

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

---

**VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT  
CHƯƠNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG PHÁT THẢI THẤP  
VIỆT NAM II (V-LEEP II)**

*Hà Nội, tháng 2 năm 2022*

## MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN .....	6
2. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN .....	6
2.1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh: .....	6
2.2. Mối quan hệ với các chương trình và dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.....	11
2.3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ các vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án)....	13
2.4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại.....	14
3. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI .....	16
4. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN.....	17
4.1. Mục tiêu tổng quát.....	17
4.2. Mục tiêu cụ thể.....	18
5. MÔ TẢ DỰ ÁN .....	19
5.1. Hợp phần 1. Tăng cường triển khai các hệ thống năng lượng tiên tiến .....	19
5.2. Hợp phần 2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành năng lượng.....	21
5.3. Hợp phần 3. Thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực năng lượng.....	27
6. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG.....	28
6.1. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp.....	28
6.2. Đối tượng thụ hưởng gián tiếp .....	29
7. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ .....	29
7.1. Kế hoạch triển khai các hoạt động được thực hiện trước.....	29
7.2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện Dự án cho năm đầu tiên .....	31
7.3. Kế hoạch giám sát và đánh giá.....	45
8. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN .....	46
8.1. Hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án .....	46
8.2. Vai trò quản lý và tổ chức thực hiện của phía Việt Nam .....	48
8.3. Vai trò quản lý và tổ chức thực hiện của phía Hoa Kỳ .....	50
8.4. Tổ chức quản lý thực hiện V-LEEP II .....	51
8.5. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện Dự án của Chủ dự án .....	54
9. TỔNG VỐN DỰ ÁN .....	55
9.1. Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi sang USD):.....	55
9.2. Vốn đối ứng (VND và quy đổi sang USD).....	56
9.3. Cơ chế tài chính.....	61
10. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI.....	62



**CÁC TỪ VIẾT TẮT**

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
BAU	Kịch bản phát triển bình thường
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BILAT	Hiệp định Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật Việt Nam – Hoa Kỳ
BQLDA	Ban Quản lý dự án
CCGT	Nhà máy điện tua bin khí chu trình hỗn hợp
CCUS	Thu giữ, sử dụng và lưu trữ cacbon
CEIA	Tổ chức Thúc đẩy Đầu tư Năng lượng Sạch
CLNLTT	Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo quốc gia
COP	Giám đốc Chương trình
DCOP	Phó Giám đốc Chương trình
DEPP	Chương trình Đối tác Năng lượng Đan Mạch
DER	Nguồn năng lượng phân tán
DPPA	Cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo và khách hàng lớn
DR	Điều chỉnh phụ tải điện
DSM	Quản lý nhu cầu điện
EE	Tiết kiệm năng lượng
EESD	Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững
ERAV	Cục Điều tiết điện lực
EREA	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo
ESCO	Công ty dịch vụ năng lượng
EU	Liên minh Châu Âu
EV	phương tiện giao thông chạy điện (xe điện)
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
EVNNPT	Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FIT	Chương trình trợ giá điện tái tạo
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GGGI	Viện Tăng trưởng Xanh Toàn cầu
GIZ	Tổ chức Hợp tác phát triển Đức
GUC	Các khoản hỗ trợ theo hợp đồng

HTKT	Hỗ trợ kỹ thuật
KNK	Khí nhà kính
KOIKA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc
LNG	Khí thiên nhiên hóa lỏng
M&E	Giám sát và đánh giá
MEL	Giám sát, đánh giá và học tập
MOIT	Bộ Công Thương
MRV	Đo lường, báo cáo và thẩm định
NDC	Đóng góp do Quốc gia tự quyết định
NLDC	Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia
NLTT	Năng lượng tái tạo
NSNN	Ngân sách nhà nước
ODA	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức
PPA	Hợp đồng mua bán điện
PPP	Đối tác công-tư
PSE	Thu hút khối tư nhân tham gia đầu tư năng lượng sạch
PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam)
QHĐ	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
REBWG	Nhóm công tác Bên mua Năng lượng tái tạo Việt Nam
SDNLHQ	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
SMO	Vận hành hệ thống và thị trường
TASF	Cơ chế Hỗ trợ các hoạt động kỹ thuật
tCO <sub>2</sub> td	tấn cacbon đioxit tương đương
UNFCCC	Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
USD	Đô la Mỹ
V-LEEP	Chương trình Năng lượng phát thải thấp Việt Nam
VEPG	Nhóm Đối tác Năng lượng Việt Nam
VGGS	Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh
VKDA	Văn kiện dự án
VNĐ	Đồng Việt Nam
VNEEP 3	Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030



VPDA	Văn phòng dự án
VRE	Năng lượng tái tạo không ổn định
VREM	Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh
VWEM	Thị trường bán buôn điện cạnh tranh
WB	Ngân hàng thế giới

## 1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

### 1.1. Tên dự án:

Tên tiếng Việt: Chương trình Năng lượng Phát thải thấp Việt Nam II (V-LEEP II)

Tên tiếng Anh: Vietnam Low Emission Energy Program II

### 1.2. Cơ quan chủ quản, Chủ dự án và Cơ quan thực hiện:

- **Cơ quan chủ quản:** Bộ Công Thương - Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- **Chủ dự án:** Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo - Địa chỉ: 23 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- **Cơ quan thực hiện:** Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (EREA), Cục Điều tiết điện lực (ERAV); Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững (EESD); và Vụ Dầu khí và Than (OGCD)

**1.3. Nhà tài trợ nước ngoài:** Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID)

**1.4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án:** Từ năm 2021 đến hết năm 2025

**1.5. Địa điểm thực hiện dự án:** Việt Nam

## 2. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

### 2.1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh:

Trong bối cảnh nền kinh tế của Việt Nam đang tăng trưởng nhanh với các mô hình tiêu thụ sử dụng nhiều năng lượng, nhu cầu năng lượng của Việt Nam dự kiến sẽ tăng mạnh trong thời gian tới. Hỗ trợ của Chương trình V-LEEP II cho các đơn vị của Bộ Công Thương (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Cục Điều tiết Điện lực, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Vụ Dầu khí và Than) nhằm mục tiêu thúc đẩy đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đồng thời hoàn thành các cam kết về giảm nhẹ biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Chương trình V-LEEP II sẽ hỗ trợ Bộ Công Thương xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách liên quan, các nghị quyết, cam kết, chiến lược, chính sách, kế hoạch hành động, quyết định và thông tư trong lĩnh vực năng lượng; đồng thời tư vấn, hỗ trợ các công ty tư nhân điều chỉnh hoạt động phù hợp với các yêu cầu và ưu tiên của Chính phủ Việt Nam đối với ngành năng lượng.

Chương trình V-LEEP II sẽ hỗ trợ xây dựng và tăng cường thực thi một số văn bản định hướng cấp cao dưới đây:

- **Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị** về “Định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Nghị quyết ưu tiên xây dựng Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia với mục tiêu “Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp đầy đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao với giá cả hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh,



nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Ngành năng lượng phát triển hài hoà giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN. Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước kết hợp với xuất, nhập khẩu năng lượng hợp lý; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng. Chủ động sản xuất được một số thiết bị chính trong các phân ngành năng lượng; nâng cấp, xây dựng lưới điện truyền tải, phân phối điện tiên tiến, hiện đại.”

- **Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 và Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018** quy định về quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực; tiết kiệm điện; thị trường điện lực; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện; bảo vệ trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện. Các chính sách phát triển điện lực được quy định trong Luật Điện lực bao gồm: (i) Phát triển điện lực bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu điện năng phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng ổn định, an toàn và kinh tế, dịch vụ văn minh, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia; (ii) Xây dựng và phát triển thị trường điện lực theo nguyên tắc công khai, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, có sự điều tiết của Nhà nước để nâng cao hiệu quả trong hoạt động điện lực; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện; thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành điện lực. Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia, xây dựng và vận hành các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; (iii) Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong hoạt động điện lực và sử dụng điện nhằm tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái; (iv) Đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để phát điện. Luật cũng quy định Quy hoạch phát triển điện lực là quy hoạch ngành quốc gia làm cơ sở cho các hoạt động đầu tư phát triển điện lực, và việc lập quy hoạch phát triển điện lực phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau: (a) Căn cứ vào chiến lược phát triển năng lượng quốc gia; (b) Phù hợp với định hướng phát triển các nguồn năng lượng sơ cấp cho phát điện gồm cả nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

- **Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả** (Luật số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010) quy định các điều khoản; chính sách và biện pháp; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- **Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo quốc gia (CLNLTT)** được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2015. CLNLTT xác định chiến lược dài hạn về phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.



- **Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia điều chỉnh, giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030** (QHĐ 7 điều chỉnh) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 03 năm 2016. QHĐ 7 điều chỉnh nhằm đảm bảo cung cấp đủ điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu điện cho sinh hoạt của người dân, và sẽ được thay thế bởi **Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045** (QHĐ 8) với tỷ trọng các nguồn điện gió, điện mặt trời và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) cao hơn trong cơ cấu nguồn của hệ thống điện hiện đang được Bộ Công Thương xây dựng và đang trình Chính phủ xem xét phê duyệt.

- **Quy hoạch tổng thể về phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050** đang được xây dựng. Việc xây dựng một quy hoạch tổng thể về năng lượng sẽ góp phần đánh giá toàn diện về cung-cầu năng lượng quốc gia và kết nối việc phát triển năng lượng với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội – môi trường mà Việt Nam đã đặt ra, và sẽ là đầu vào quan trọng cho việc lập và triển khai quy hoạch điện phù hợp với các yêu cầu của Nghị quyết 55-NQ/TW.

- **Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2017** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Mục tiêu phát triển ngành bao gồm: (i) Phát triển lĩnh vực công nghiệp khí hoàn chỉnh, đồng bộ tất cả các khâu, từ: Khai thác – thu gom – vận chuyển – chế biến – dự trữ - phân phối khí và xuất nhập khẩu sản phẩm khí trên toàn quốc; đảm bảo thu gom 100% sản lượng khí của các lô/mỏ mà PVN và các nhà thầu dầu khí khai thác tại Việt Nam; (ii) Nghiên cứu, tìm kiếm thị trường và đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kho cảng để sẵn sàng tiếp nhận, nhập khẩu LNG với mục tiêu cho từng giai đoạn; (iii) Về phát triển thị trường tiêu thụ khí, sẽ tiếp tục phát triển thị trường điện là thị trường trọng tâm tiêu thụ khí (bao gồm LNG nhập khẩu) với tỷ trọng khoảng 70 – 80% tổng sản lượng khí, đáp ứng nguồn nhiên liệu khí đầu vào để sản xuất điện; đồng thời phát triển lĩnh vực hóa dầu từ khí, tăng cường đầu tư chế biến sâu khí thiên nhiên để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm khí, tạo ra các nguyên, nhiên, vật liệu để phục vụ phát triển sản xuất công nghiệp trong nước, hướng tới xuất khẩu, giảm tỷ trọng nhập siêu; và tiếp tục duy trì và mở rộng hệ thống phân phối khí cho các hộ tiêu thụ công nghiệp, giao thông vận tải, sinh hoạt đô thị nhằm mục đích bảo vệ môi trường và nâng cao giá trị sử dụng của khí. Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối khí thấp áp và hệ thống phân phối khí nén thiên nhiên làm tiền đề để phát triển hệ thống phân phối khí cung cấp cho giao thông vận tải.

- **Quyết định số 2233/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2020** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bao gồm ba phân ngành năng lượng (ví dụ: than, khí và điện) đóng vai trò quan trọng và chủ chốt trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ năng lượng tại Việt Nam. Mục tiêu tổng quát nhằm xây dựng, hình thành và phát triển thị trường năng lượng (than, khí, điện) cạnh tranh lành mạnh, theo từng giai đoạn và có sự điều tiết của Nhà nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia góp phần đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu,



chính sách của Đảng và Nhà nước, tăng cường hội nhập quốc tế.

- **Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg ngày 8 tháng 11 năm 2013** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lộ trình hình thành và phát triển thị trường điện cạnh tranh, được bổ sung bởi Quyết định số 8266/QĐ-BCT ngày 10 tháng 08 năm 2015 của Bộ Công Thương (về thiết kế thị trường bán buôn điện cạnh tranh “VWEM”) và Quyết định số 2093/QĐ-BCT ngày 07 tháng 8 năm 2020 (về thiết kế thị trường bán lẻ điện cạnh tranh “VREM”).

- **Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 (VNEEP 3). Mục tiêu tổng quát nhằm huy động mọi nguồn lực trong nước và quốc tế cho thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp quản lý nhà nước, hỗ trợ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển sản phẩm, chuyển đổi thị trường, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tranh thủ kinh nghiệm và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hình thành thói quen sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong mọi hoạt động của xã hội; giảm cường độ năng lượng trong các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế; tiết kiệm năng lượng trở thành hoạt động thường xuyên đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và các ngành kinh tế trọng điểm tiêu thụ nhiều năng lượng; hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- **Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 3 tháng 8 năm 2018** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện (DSM) giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những mục tiêu tổng quát như sau: (i) Triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, kinh tế - xã hội để thực hiện các Chương trình quản lý nhu cầu điện, trong đó sự tham gia chủ động của khách hàng sử dụng điện đóng vai trò quan trọng góp phần đảm bảo cung ứng điện, nâng cao chất lượng điện năng và độ tin cậy cung cấp điện, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả kinh tế chung của hệ thống điện gắn với phát triển bền vững ngành điện, ngành năng lượng; (ii) Triển khai chương trình phù hợp với xu hướng phát triển của ngành năng lượng, ngành điện và quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, đảm bảo tối ưu mọi nguồn lực xã hội, hiệu quả và lợi ích của khách hàng sử dụng điện và các đơn vị điện lực trong chuỗi quá trình từ sản xuất điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán điện và sử dụng điện; (iii) Giảm công suất phụ tải đỉnh của hệ thống điện quốc gia, hệ thống điện vùng, miền nhằm giảm nhu cầu về vốn đầu tư để xây dựng mới, mở rộng hệ thống điện, góp phần giảm áp lực tăng giá điện, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên năng lượng và phát triển bền vững; (iv) Nâng cao nhận thức của khách hàng sử dụng điện và toàn xã hội trong việc quản lý nhu cầu điện và sử dụng điện hiệu quả; từng bước chuyển từ khách hàng sử dụng điện truyền thống sang khách hàng sử dụng điện thông minh.

- **Quyết định 1670/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2012** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển lưới điện thông minh ở Việt Nam. Mục tiêu tổng quát nhằm phát triển lưới điện thông minh với công nghệ hiện đại nhằm nâng



cao chất lượng điện năng, độ tin cậy cung cấp điện; góp phần trong công tác quản lý nhu cầu điện, khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động, giảm nhu cầu đầu tư vào phát triển nguồn và lưới điện; tăng cường khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- **Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020** quy định hoạt động bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ Môi trường đưa ra các yêu cầu trong việc thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư; cũng như lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Luật cũng quy định về việc giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành, cấp địa phương trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực; xây dựng và triển khai cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tổ chức và phát triển thị trường các-bon.

Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/1/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, theo đó giao Bộ Công Thương quản lý giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong sản xuất năng lượng và tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp để đạt được mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Đóng góp do quốc gia tự quyết định.

- **Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh (VGGS) thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn tới 2050** đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012, nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh “như một phương tiện để đạt được nền kinh tế các-bon thấp và làm giàu vốn tự nhiên”. VGGS đã “trở thành định hướng chính trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính” và các yếu tố này “đang dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội”.

**Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh cho giai đoạn tiếp theo 2021-2030, tầm nhìn 2050** mới được phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 1 tháng 10 năm 2021, nhằm góp phần thúc đẩy cơ cấu lại kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng đạt được sự thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa các-bon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu. Trong lĩnh vực năng lượng, Chiến lược cũng đề ra các mục tiêu chính cho giai đoạn đến năm 2030 và đến 2050 là nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động sản xuất, vận tải, thương mại và công nghiệp; bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia theo hướng phát triển đồng



bộ các nguồn năng lượng, khai thác và sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng trong nước và chuyển đổi cơ cấu nguồn năng lượng theo hướng giảm sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của quốc gia. Các cơ chế chính sách sẽ được tiếp tục nghiên cứu và đề xuất nhằm thúc đẩy chuyển dịch năng lượng theo hướng xanh, sạch, bền vững, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo, khuyến khích nhiều thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực năng lượng, phát triển đồng bộ thị trường năng lượng cạnh tranh, tăng cường khả năng tích hợp năng lượng tái tạo vào hệ thống điện; nâng cao khả năng tiếp cận tài chính đối với các dự án đầu tư vào sử dụng hiệu quả năng lượng.

- **Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017** của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững, với mục tiêu duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển; xây dựng một xã hội Việt Nam hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, dân chủ, công bằng, văn minh và bền vững.

- **Cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC)**, cùng với Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC), theo Thỏa thuận Paris được thông qua tại Hội nghị lần thứ 21 của các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP21) năm 2015. NDC của Việt Nam cũng nêu rõ lộ trình giảm khí nhà kính (KNK) trong lĩnh vực năng lượng, với mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính vào năm 2030 bằng nguồn lực trong nước được ước tính là 51,5 triệu tấn CO<sub>2td</sub>, chiếm 5,5% so với BAU quốc gia; mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính vào năm 2030 với sự hỗ trợ quốc tế thông qua hợp tác song phương, đa phương và thực hiện các cơ chế trong Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu là 155,8 triệu tấn CO<sub>2td</sub>, chiếm 16,7% so với BAU quốc gia.

Theo tinh thần Hội nghị COP26 tại Glasgow, các quốc gia sẽ cập nhật NDCs trong năm 2022 để cụ thể các biện pháp và lộ trình hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào 2050.

- **Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13** ngày 18 tháng 6 năm 2012 quy định nguyên tắc bình đẳng giới và yêu cầu các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển dụng, việc làm, đào tạo, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, tiền lương và các chính sách khác.

## **2.2. Môi quan hệ với các chương trình và dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.**

2.2.1. V-LEEP II sẽ bổ sung vào những hoạt động hỗ trợ của các cơ quan và chương trình phát triển quốc tế khác đã được công nhận là Chương trình hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), theo sự điều phối của Bộ Công Thương để đảm bảo hiệu quả của hoạt động hỗ trợ kỹ thuật.



2.2.2. Một cơ chế giúp V-LEEP II đảm bảo sự phối hợp hiệu quả là sự tham gia tích cực trong Nhóm Đối tác Năng lượng Việt Nam (VEPG) mà Chính phủ Việt Nam và các đối tác phát triển quốc tế, được khởi động từ tháng 6 năm 2017. VEPG do một Thứ trưởng Bộ Công Thương đồng chủ trì.

2.2.3. V-LEEP II sẽ phối hợp chặt chẽ với một số chương trình ODA sau đây (theo thứ tự bảng chữ cái):

- **Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)** có danh mục các chương trình cho vay ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật cho ngành năng lượng tại Việt Nam. Một số phạm vi công việc liên quan bao gồm hoạt động nâng cao năng lực hỗ trợ chuyển đổi sang Thị trường bán buôn điện cạnh tranh (VWEM), hỗ trợ kỹ thuật cho cải cách ngành điện; tăng cường mức độ sẵn sàng cho cơ chế đấu giá năng lượng mặt trời; và khuyến nghị về tăng cường khả năng tiếp cận nguồn tài chính đổi mới cho năng lượng sạch.

- **Chương trình Đối tác Năng lượng Đan Mạch (DEPP)** đang hợp tác với các cơ quan chức năng của Việt Nam về lập mô hình và tối ưu hóa hệ thống năng lượng tiên tiến nhằm cải thiện quy hoạch năng lượng dài hạn; và xây dựng năng lực trong Bộ Công Thương để tích hợp một lượng lớn năng lượng tái tạo trong ngành điện, và tập trung vào lĩnh vực sử dụng năng lượng hiệu quả trong lĩnh vực công nghiệp.

- **Liên minh Châu Âu (EU)** cung cấp hỗ trợ chính cho Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 (VNEEP 3); đóng vai trò là Ban Thư ký của Nhóm Đối tác Năng lượng Việt Nam (VEPG), đây là diễn đàn chính để điều phối các nhà tài trợ; hỗ trợ Bộ Công Thương thúc đẩy lĩnh vực năng lượng tái tạo và hài hòa dữ liệu năng lượng và hệ thống báo cáo.

- **Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ)** đang triển khai chương trình Năng lượng Tái tạo và Hiệu quả Năng lượng (4E) nhằm mục tiêu xây dựng và hình thành khuôn khổ pháp lý và quy định cần thiết cho các hệ thống năng lượng tái tạo quy mô lớn và sử dụng năng lượng hiệu quả trong lĩnh vực công nghiệp và tăng cường năng lực liên quan để thực hiện chương trình. Ngoài ra, GIZ quản lý Chương trình Hiệu quả năng lượng trong các tòa nhà (PEEB) để hỗ trợ việc xây dựng khung pháp lý và điều kiện khung cho lĩnh vực xây dựng phát thải thấp; và thực hiện Chương trình Năng lượng Sinh học giúp tăng cường khuôn khổ pháp lý và quy định.

- **Viện Tăng trưởng Xanh Toàn cầu (GGGI)** quản lý chương trình Thúc đẩy năng lượng tái tạo tại Việt Nam, phối hợp với Bộ Công Thương để hỗ trợ phát triển thị trường NLTT tại Việt Nam thông qua các khuyến nghị chính sách cũng như phát triển các dự án khả thi vay vốn. Ngoài ra, Quỹ tài chính điện mặt trời mái nhà của GGGI hợp tác với Tổ chức Thúc đẩy Đầu tư Năng lượng Sạch (CEIA) cùng phát triển các khái niệm chia sẻ rủi ro có thể thu hút tài chính cho các dự án NLTT.

- **Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOIKA)** thông qua dự án “Thúc



đẩy thị trường đầu tư tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp và hỗ trợ thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh Việt Nam” cũng đang hỗ trợ Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tăng cường đầu tư cho hiệu quả năng lượng và tăng trưởng xanh trong lĩnh vực công nghiệp thông qua: (1) Chuẩn bị cho các dự án đầu tư sử dụng năng lượng hiệu quả trong Danh mục các dự án tiết kiệm năng lượng (kiểm toán năng lượng, chuẩn bị FS cho các dự án đầu tư hiệu quả năng lượng, và Hồ sơ đăng ký tín dụng); (2) Hỗ trợ việc thực thi các Quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, và Hướng dẫn đầu tư về Tăng trưởng Xanh trong 3-5 phân ngành; (3) Nâng cao năng lực cho các ESCO và ECC cũng như các nhà hoạch định kinh tế cấp tỉnh và các cơ sở giáo dục được lựa chọn; (4) Khảo sát, nghiên cứu và xây dựng Kế hoạch Hành động (KHHD) Tăng trưởng Xanh cho các tỉnh sử dụng nhiều năng lượng; và (5) Phổ biến các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả và KHHD Tăng trưởng Xanh của các tỉnh.

- **Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID)** đang triển khai Chương trình An ninh Năng lượng Đô thị Việt Nam (VUES) nhằm thúc đẩy các giải pháp năng lượng phân tán ở cấp thành phố; và chương trình INVEST thúc đẩy các cơ chế tài chính đổi mới cho năng lượng sạch ở Việt Nam.

- **Ngân hàng Thế giới (WB)** quản lý nhiều chương trình hỗ trợ kỹ thuật và cho vay ưu đãi tại Việt Nam. Các lĩnh vực hỗ trợ tư vấn chính bao gồm thiết kế và thí điểm cơ chế đấu giá năng lượng mặt trời; lập bản đồ NLTT; xây dựng chiến lược Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG); và Dự án Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong các ngành công nghiệp của Việt Nam (Vietnam Scaling Up Energy Efficiency Project).

### **2.3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ các vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án)**

Nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng và các lĩnh vực tiêu thụ nhiều năng lượng dẫn đến sự gia tăng về nhu cầu năng lượng của Việt Nam, khoảng 10% mỗi năm, nằm trong số các quốc gia có mức tăng cao nhất trong khu vực và trên thế giới. Hơn nữa, Việt Nam đã trở thành nước nhập siêu về năng lượng, có sự phụ thuộc ngày càng tăng vào các nguồn năng lượng bên ngoài đồng thời cũng phụ thuộc rất lớn vào nhiệt điện (than). Việt Nam cần đầu tư rất lớn vào lĩnh vực năng lượng trong vòng 10 năm tới để đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng và giải quyết tình trạng thiếu hụt năng lượng. Trong hai năm qua, Việt Nam đã bổ sung một lượng lớn công suất mặt trời cho lưới điện. Tuy nhiên cơ sở hạ tầng lưới điện hiện tại không được thiết kế để xử lý lượng công suất điện mặt trời rất lớn này, dẫn đến việc cắt giảm công suất điện tái tạo trên quy mô lớn. Cần có quy hoạch dài hạn chuẩn mạnh với các công cụ và thực tiễn vận hành mới, cùng các chính sách khuyến khích phù hợp để thu hút nguồn đầu tư quan trọng từ khu vực tư nhân để đưa ngành điện Việt Nam hoạt động theo hướng sử dụng các nguồn tài nguyên sạch và bền vững hơn.

Để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam, cần đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng thông qua việc cung cấp các giải pháp



năng lượng sạch, đảm bảo và theo định hướng thị trường. Nhằm giúp Chính phủ Việt Nam xây dựng năng lực xây dựng chính sách, cũng như tạo môi trường thúc đẩy đầu tư của khối tư nhân trong lĩnh vực năng lượng theo hướng xanh, sạch, bền vững, trong giai đoạn 2015-2020 USAID đã hỗ trợ Bộ Công Thương thông qua Chương trình Năng lượng Phát thải thấp Việt Nam (V-LEEP) với nhiều kết quả đáng khích lệ như: hỗ trợ EREA xây dựng năng lực ứng dụng kỹ thuật lập mô hình tiên tiến cho QHĐ 8; hợp tác chặt chẽ với Cục Điều tiết Điện lực thiết kế cơ chế và chương trình thí điểm cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo với khách hàng mua điện lớn; hỗ trợ EESD xây dựng các Tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tối thiểu mới; đồng thời tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tham gia vào các chương trình năng lượng của Chính phủ Việt Nam, chẳng hạn như chương trình trợ giá điện tái tạo (FIT) mới kết thúc gần đây. Tuy nhiên các hỗ trợ này mới chỉ đáp ứng một phần những yêu cầu trước mắt về năng lượng lập quy hoạch và xây dựng chính sách năng lượng phát thải thấp. Để đảm bảo tính bền vững về xây dựng năng lực cho Việt Nam vẫn cần tiếp tục có sự hỗ trợ kỹ thuật trong các nội dung liên quan ở quy mô và phạm vi rộng hơn.

Bằng cách mở rộng quy mô và phạm vi hỗ trợ kỹ thuật ở pha II, Chương trình V-LEEP II sẽ hỗ trợ Chính phủ Việt Nam trong nỗ lực xây dựng và thực hiện các kế hoạch năng lượng dài hạn mạnh mẽ, triển khai các phương thức vận hành tiện ích tiên tiến, thu hút đầy đủ vốn từ khu vực tư nhân và khu vực công, và cải thiện môi trường thuận lợi thông qua quan hệ đối tác công tư (PPP). Các hoạt động này sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của Việt Nam thông qua việc cung cấp các giải pháp năng lượng sạch, an toàn và dựa trên thị trường.

Thông qua hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực của Chương trình V-LEEP II, Việt Nam có thể:

- Giảm sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng nhập khẩu bằng cách tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng trong nước với chi phí thấp và các-bon thấp (mặt trời, gió, sinh khối, khí tự nhiên);

- Đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng thông qua các nguồn năng lượng sạch, tái tạo thông qua việc thúc đẩy các công nghệ năng lượng sạch tiên tiến, quy hoạch ngành điện tốt hơn và cải tiến thông lệ vận hành<sup>1</sup> hệ thống điện; và

- Thu hút tài trợ của khu vực tư nhân và cải thiện đổi mới năng lượng bằng cách cung cấp các khuyến khích mới dựa trên thị trường, tăng cường cạnh tranh cho các dịch vụ năng lượng và điều phối tốt hơn việc thực hiện QHĐ 8.

#### **2.4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại**

Hoạt động hỗ trợ kỹ thuật (HTKT) và nâng cao năng lực của V-LEEP II là cần thiết để nâng cao năng lực của Bộ Công Thương trong việc thúc đẩy các mục

<sup>1</sup> Thông lệ vận hành được hiểu là các quy trình, thông lệ áp dụng trong điều độ và vận hành lưới điện quốc gia.



tiêu chung và mục tiêu cụ thể cho ngành năng lượng. Các hỗ trợ này bao gồm một số nội dung sau:

2.4.1. Hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho các đơn vị của Bộ Công Thương tham gia vào dự án bao gồm EREA, ERAV, EESD và OGCD:

Hỗ trợ kỹ thuật cần dựa trên nhu cầu thực tế phát sinh trong quá trình hợp tác và phải được trao đổi, thống nhất trước giữa đơn vị đầu mối của Bộ Công Thương và V-LEEP II, tùy từng hoạt động hỗ trợ cụ thể. Như được trình bày chi tiết dưới đây, hoạt động này sẽ bao gồm việc hoàn thành các công việc tư vấn hỗ trợ xây dựng và thực hiện chính sách và chương trình. Theo yêu cầu của Bộ Công Thương, V-LEEP II sẽ mở rộng hỗ trợ cho các đơn vị được chỉ định, ví dụ như Trung tâm Điều độ Quốc gia (NLDC), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Petrovietnam (PVN), và Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT); các viện nghiên cứu như Viện Năng lượng và Viện Dầu khí Việt Nam; cũng như các tổ chức học thuật khác.

2.4.2. Nâng cao năng lực cho các đơn vị của Bộ Công Thương tham gia vào dự án bao gồm EREA, ERAV, EESD và OGCD:

Như được trình bày chi tiết bên dưới, nội dung này bao gồm hoạt động đào tạo và chia sẻ các thông lệ hàng đầu quốc tế. Trong quá trình thực hiện, nếu có nhu cầu nâng cao năng lực phát sinh cho các cơ quan khác có liên quan, trao đổi, thống nhất trước giữa đơn vị đầu mối của Bộ Công Thương và V-LEEP II, tùy từng hoạt động hỗ trợ cụ thể.

2.4.3. Hỗ trợ kỹ thuật cho khu vực tư nhân:

V-LEEP II sẽ hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho các tổ chức thuộc khu vực tư nhân tại Việt Nam nhằm đẩy nhanh các khoản đầu tư cần thiết cho các dự án năng lượng sạch ở Việt Nam. V-LEEP II sẽ tập trung hỗ trợ các dự án phù hợp với các ưu tiên và chính sách của Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ USAID, chẳng hạn như: (i) có thể đóng góp vào mục tiêu cụ thể của chương trình (như nêu ở phần 4.2); (ii) khả thi về mặt thương mại và có thể đưa vào vận hành với sự hỗ trợ của V-LEEP II (tức là có ngày vận hành thương mại (COD) mang tính hiện thực); (iii) mang tính đổi mới sáng tạo và có khả năng nhân rộng; (iv) hỗ trợ các doanh nghiệp có lãnh đạo hoặc chủ doanh nghiệp là phụ nữ hoặc người có hoàn cảnh khó khăn; và/hoặc các hoạt động hỗ trợ bình đẳng giới và dân tộc thiểu số.

Bộ Công Thương và các cơ quan nhà nước chủ chốt trong lĩnh vực năng lượng (ví dụ: EREA cho các dự án thuộc QHĐ 8, ERAV cho các dự án thuộc chương trình thí điểm DPPA, EESD cho các dự án EE và EV, OGCD cho các dự án LNG và các dự án khác) cũng như các hiệp hội thương mại và chính quyền cấp tỉnh sẽ cung cấp thông tin đầu vào cho danh mục các dự án tiềm năng để V-LEEP II xem xét hỗ trợ. Việc lựa chọn các dự án năng lượng sạch để tiếp nhận hỗ trợ từ V-LEEP II sẽ căn cứ trên thế mạnh của phương án kinh doanh của mỗi dự án, cùng các hướng dẫn linh hoạt cho phép lựa chọn các bên liên quan và các dự án một cách minh bạch (ví dụ như sử dụng Danh mục kiểm tra để Sàng lọc Đầu tư Dự án – đây cũng là một công cụ giúp EREA theo dõi giám



sát việc thực thi). V-LEEP II cũng sẽ cung cấp thông tin cập nhật hàng quý cho EREA về việc lựa chọn các dự án và tình hình hỗ trợ cho các dự án đã chọn.

Ngoài ra, V-LEEP II sẽ cung cấp hỗ trợ chung toàn ngành cho các tổ chức trong lĩnh vực năng lượng như Nhóm công tác Bên mua Năng lượng tái tạo Việt Nam (REBWG), Mạng lưới không khí sạch Việt Nam (VCAP) và các tổ chức học thuật khác. V-LEEP II sẽ tránh gây méo mó thị trường do việc cung cấp các "dịch vụ miễn phí" và do đó sẽ không tham gia các hoạt động hỗ trợ có khả năng cạnh tranh với các nhà cung ứng dịch vụ hiện hữu từ khối tư nhân

#### 2.4.4. Cơ chế Hỗ trợ các hoạt động kỹ thuật (TASF):

V-LEEP II sẽ sử dụng các cơ chế như *Các khoản hỗ trợ theo hợp đồng* (GUC) và/hoặc các hợp đồng thầu phụ để hỗ trợ các tổ chức của Việt Nam và Hoa Kỳ như các trường đại học, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức phi lợi nhuận và các tổ chức dựa vào cộng đồng... triển khai thực hiện các hoạt động thúc đẩy các mục tiêu của dự án. V-LEEP II sẽ xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn đơn vị nhận hỗ trợ dựa trên nhu cầu, sự cần thiết, khung thời gian, nguồn lực và cấp độ hỗ trợ trên cơ sở thảo luận và thống nhất với đơn vị đầu mối của Bộ Công Thương,

Các tiếp cận và công cụ tiên tiến về lập quy hoạch điện, mô hình hóa hệ thống điện và thị trường điện trong điều kiện tích hợp tỷ trọng lớn của nguồn điện NLTT; cũng như các quy định và tiêu chuẩn về nhà máy điện khí LNG, hay huy động tài chính tư nhân cho các công nghệ năng lượng tiên tiến và thị trường carbon... đều là những hoạt động mới với Việt Nam và bắt đầu triển khai trong vài năm gần đây. Việt Nam còn thiếu các kinh nghiệm thực tiễn, các công cụ và các chuyên gia chuyên sâu trong các mảng này, do vậy nhu cầu về kiến thức, chuyên môn, kinh nghiệm của chuyên gia nước ngoài, về phương pháp tiếp cận tiên tiến, hiện đại là rất lớn.

Bên cạnh đó, các hoạt động như trên sẽ đòi hỏi nguồn lực tài chính lớn cho việc huy động chuyên gia trong nước và nước ngoài, cho việc quản lý dự án, các hoạt động chuyên môn của dự án, các hoạt động truyền thông, tăng cường năng lực.... Trong bối cảnh ngân sách trong nước còn hạn chế, việc sử dụng nguồn vốn ODA theo hình thức HTKT trực tiếp và Cơ chế Hỗ trợ các hoạt động kỹ thuật sẽ góp phần nhanh chóng giải quyết được các vấn đề mà các chương trình của Chính phủ đang gặp khó khăn trong quá trình thực hiện, góp phần đảm bảo đạt được các ưu tiên phát triển nhưng không gây gánh nặng tới ngân sách nhà nước, đồng thời cũng là nguồn hỗ trợ quốc tế giúp Việt Nam thực hiện các mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tham vọng hơn theo cam kết đóng góp do quốc gia tự quyết định với sự hỗ trợ quốc tế từ Chính phủ Hoa Kỳ.

### 3. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Việt Nam và Hoa Kỳ bắt đầu hợp tác từ năm 1989 khi USAID triển khai các chương trình hỗ trợ người khuyết tật Việt Nam thông qua Quỹ Nạn nhân Chiến tranh Patrick Leahy và Quỹ Trẻ Vô gia cư và Trẻ mồ côi (DCOF). Vào tháng 6 năm 2005, Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam ký kết Hiệp định Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật (BILAT) điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ về kinh tế, kỹ thuật và nhân đạo dưới hình thức viện trợ không hoàn lại do Chính phủ Hoa Kỳ thực



hiện tại Việt Nam. Đến nay, USAID đã và đang triển khai các chương trình hỗ trợ toàn diện trong các lĩnh vực như tăng trưởng kinh tế và quản trị nhà nước, giáo dục đại học, y tế (gồm HIV/AIDS và các mối đe dọa đại dịch mới nổi), môi trường và biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học/chống buôn bán các loài động vật hoang dã, hỗ trợ người khuyết tật và những người dễ bị tổn thương khác và cứu trợ thiên tai. USAID đã tài trợ thực hiện thành công nhiều dự án, tiêu biểu như: Dự án Hỗ trợ thúc đẩy thương mại (STAR I, STAR II và STAR Plus 2001-2013); Vietnam Competitiveness Initiative (VNCI, 2003-2013); Dự án Quản trị Nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện (2013-2018); Dự án tạo thuận lợi thương mại (2018-2023) v.v...

Trong lĩnh vực năng lượng, USAID là nhà tài trợ ODA không hoàn lại cho Bộ Công Thương trong Chương trình Năng lượng Phát thải thấp Việt Nam (V-LEEP, 2015-2020). Chương trình V-LEEP được phê duyệt ODA vào ngày 19 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định số 1050/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Với nhiều nỗ lực của USAID và các đối tác của Chính phủ Việt Nam, V-LEEP đã đạt được những kết quả quan trọng, bao gồm: (i) hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu cho EREA trong hoạt động xây dựng QHĐ 8, cung cấp phần mềm lập mô hình tiên tiến và các công cụ phần cứng; (ii) hỗ trợ EREA xây dựng chiến lược truyền thông của chương trình thúc đẩy điện mặt trời mái nhà; (iii) hỗ trợ EESD xây dựng các Tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tối thiểu cho một số ngành công nghiệp; và (iv) hỗ trợ ERAV thiết kế cơ chế DPPA và chương trình thí điểm DPPA.

Định hướng hợp tác và các lĩnh vực ưu tiên hiện nay của USAID phù hợp với sáng kiến Thúc đẩy Phát triển và Tăng trưởng thông qua Năng lượng (Asia EDGE) và Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Chính phủ Hoa Kỳ. USAID mong muốn hỗ trợ quá trình chuyển đổi lĩnh vực năng lượng của Việt Nam hướng tới hệ thống năng lượng sạch, đảm bảo an ninh năng lượng và theo cơ chế thị trường, thông qua huy động đầu tư vào việc triển khai các hệ thống năng lượng tiên tiến, tăng mức độ linh hoạt của hệ thống điện và nâng cao khả năng cạnh tranh, từ đó đảm bảo các lợi ích chiến lược của Hoa Kỳ trong việc tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, mang lại cơ hội đầu tư cho các công ty Hoa Kỳ.

Mặt khác, các quy định về HTKT của USAID đối với Dự án V-LEEP II không khác biệt so với các chương trình, dự án HTKT bằng vốn viện trợ không hoàn lại mà Chính phủ Việt Nam đã tiếp nhận từ USAID cũng như các nhà tài trợ khác. Phía Việt Nam hoàn toàn có thể đáp ứng được các điều kiện và năng lực để tiếp nhận và sử dụng hiệu quả nguồn HTKT này.

## **4. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN**

### **4.1. Mục tiêu tổng quát**

Mục tiêu chung của Chương trình V-LEEP II là thúc đẩy quá trình chuyển đổi ngành năng lượng của Việt Nam theo hướng sạch, bền vững, đảm bảo an ninh



năng lượng và dựa trên các nguyên tắc thị trường thông qua việc tăng cường triển khai các hệ thống năng lượng tiên tiến<sup>2</sup>, nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành năng lượng và thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực năng lượng.

## 4.2. Mục tiêu cụ thể

4.2.1. Để đạt được mục tiêu tổng quát nêu trên, Chương trình V-LEEP II đặt ra 3 mục tiêu cụ thể:

- **Mục tiêu 1:** Tăng cường việc triển khai các hệ thống năng lượng tiên tiến thông qua hoàn thiện các chính sách, luật, quy định và huy động đầu tư tư nhân.
- **Mục tiêu 2:** Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành năng lượng thông qua cải thiện quy hoạch và các phương thức vận hành.
- **Mục tiêu 3:** Thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực năng lượng bằng cách đẩy mạnh việc áp dụng các thông lệ mua sắm minh bạch và nâng cao mức độ sẵn có của lực lượng lao động có trình độ, sản phẩm và dịch vụ.

4.2.2. Một số chỉ tiêu về kết quả dự kiến đạt được:

- Thông qua các hoạt động HTKT của Chương trình V-LEEP II sẽ hỗ trợ huy động tài chính cho 2.000 MW năng lượng tái tạo và 1.000 MW từ các nhà máy nhiệt điện khí chu trình hỗn hợp.
- 10 chính sách, văn bản pháp luật, quy định liên quan sẽ được hỗ trợ trong quá trình xây dựng, trình ban hành, ban hành, sửa đổi, hoặc thực thi; tối thiểu 02 chính sách thí điểm sẽ được hỗ trợ xây dựng và thực hiện nhằm thúc đẩy chuyển đổi ngành năng lượng Việt Nam theo hướng sạch, đảm bảo an ninh năng lượng và dựa trên các nguyên tắc thị trường.
- 60 đơn vị, tổ chức sẽ được nâng cao năng lực về năng lượng sạch; và 1200 người được đào tạo nâng cao năng lực về các vấn đề kỹ thuật trong ngành năng lượng, trong đó 20% là nữ giới.
- Các dự án đầu tư với công nghệ năng lượng tiên tiến mà V-LEEP II cung cấp HTKT sẽ giúp giảm 59 triệu tấn CO<sub>2td</sub> trong toàn bộ vòng đời dự án đầu tư<sup>3</sup>, góp phần thực thi cam kết của Việt Nam theo Thỏa thuận Paris về giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng.

Các chỉ tiêu kết quả dự kiến được nêu tại Văn kiện dự án thể hiện kết quả đàm phán và tính toán tác động dự kiến của việc sử dụng nguồn lực của nhà tài trợ để hỗ trợ mục tiêu phát triển của Việt Nam. Các chỉ tiêu này có thể được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế triển khai dự án nhằm đảm bảo tính hiệu quả của dự án.

<sup>2</sup> “Các hệ thống năng lượng tiên tiến” được hiểu là: các hệ thống NLTT công nghệ mới, sử dụng năng lượng hiệu quả, quản lý nhu cầu phụ tải, năng lượng phân tán, ứng dụng lưới thông minh, hệ thống nhiệt điện hiệu quả, khí thiên nhiên hoá lỏng (LNG), hạ tầng xe điện, lưu trữ pin, quản lý năng lượng, lưu trữ dữ liệu và các giải pháp bảo mật dữ liệu.

<sup>3</sup> Ước tính 20 năm



## 5. MÔ TẢ DỰ ÁN

Chương trình V-LEEP II được thiết kế gồm 03 hợp phần, mỗi hợp phần hỗ trợ thực hiện từng mục tiêu cụ thể được nêu trên. Mỗi hợp phần được thiết kế bao gồm các nhóm hoạt động hướng tới các kết quả rõ ràng. Mỗi nhóm hoạt động sẽ bao gồm các hoạt động cụ thể được chi tiết tại kế hoạch hoạt động hàng năm. Các hợp phần có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm đạt được mục tiêu tổng thể. Các hoạt động HTKT của Chương trình sẽ được xây dựng trên cơ sở Văn kiện dự án được phê duyệt và triển khai theo Kế hoạch hoạt động hàng năm của Chương trình. Các nhóm hoạt động và một số hoạt động được nêu ở từng hợp phần dưới đây mang tính dự kiến và có thể được điều chỉnh, bổ sung, cụ thể hoá trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết của từng năm, tùy theo những nội dung ưu tiên của Chính phủ và Bộ Công Thương trong từng năm.

Các Hợp phần cụ thể của hoạt động này bao gồm:

### 5.1. Hợp phần 1. Tăng cường triển khai các hệ thống năng lượng tiên tiến

Việc triển khai các hệ thống năng lượng tiên tiến quy mô lớn đòi hỏi phải có hệ thống quản trị và pháp lý, khung thể chế, quy định, chính sách và cơ chế khuyến khích tin cậy và minh bạch. Việt Nam thiếu các chính sách và cơ chế ưu đãi dài hạn, nhất quán và biểu giá phản ánh chi phí, đây là rào cản đầu tư và làm tăng chi phí phát triển các dự án năng lượng. Cần có các chính sách, quy định và cơ chế khuyến khích hiệu quả, minh bạch và dài hạn để tạo tín hiệu cho các nhà đầu tư, xây dựng niềm tin đối với thị trường và thúc đẩy các mục tiêu năng lượng sạch và an ninh năng lượng.

Để đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng, Việt Nam cần phải loại bỏ một số trở ngại, đặc biệt là những rào cản đầu tư. Khi nợ công gần chạm mức trần, Chính phủ Việt Nam không còn cung cấp các khoản bảo lãnh khoản vay cho các dự án cơ sở hạ tầng năng lượng. Trong khi đó, là một quốc gia có thu nhập trung bình, Việt Nam khó đáp ứng điều kiện của các khoản vay ưu đãi từ các tổ chức tài chính quốc tế. Do đó, đầu tư tư nhân là một nguồn tài trợ quan trọng cho các dự án cơ sở hạ tầng trong tương lai bao gồm hạ tầng trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo, LNG, hệ thống truyền tải mới, v.v... Tuy nhiên, các dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng năng lượng quy mô lớn này được coi là rủi ro cao ở Việt Nam do thiếu chính sách dài hạn nhất quán, chi phí vốn cao và thiếu các Hợp đồng mua bán điện khả thi vay vốn. Cần có khung pháp lý toàn diện cũng như các công cụ tài chính sáng tạo để giảm thiểu rủi ro đầu tư và tăng cường khả năng tiếp cận vốn tài chính cho các dự án năng lượng. Hơn nữa, cần có dịch vụ tư vấn cho các nhà phát triển năng lượng sạch, ngân hàng và nhà đầu tư, hỗ trợ phát triển các dự án năng lượng tiên tiến, chất lượng cao, khả thi vay vốn.

Cần lưu ý rằng Việt Nam sẽ vẫn phụ thuộc vào các nhà máy nhiệt điện than trong tương lai nếu xét đến tỷ trọng của điện than hiện tại trong cơ cấu nguồn điện của cả nước (20.4 GW trên tổng số 69.3 GW, chiếm 29% tổng công suất đặt) và



nhu cầu năng lượng ngày càng tăng. Do đó, cần áp dụng các biện pháp kiểm soát phát thải (bao gồm các quy định, các tiêu chuẩn và cơ chế khuyến khích được hoàn thiện) và nâng cao năng lực của chính phủ, cơ quan điện lực và các bên liên quan để Việt Nam tăng cường hiệu quả hoạt động và giảm thiểu ô nhiễm. Các chính sách chiến lược, quy định công bằng và các tiêu chuẩn phù hợp sẽ tạo sân chơi bình đẳng cho các công nghệ sản xuất điện sạch hơn, bao gồm công nghệ năng lượng tái tạo và các nhà máy điện tua bin khí chu trình hỗn hợp (CCGT) sử dụng LNG.

Để hoàn thành Hợp phần 1, sau đây là một số nhiệm vụ chính trong số các nhiệm vụ V-LEEP II sẽ thực hiện:

- **Tiểu hợp phần 1.1:** Hỗ trợ xây dựng và triển khai các chính sách và quy định liên quan tới chức năng quản lý nhà nước về năng lượng sơ cấp, như xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, các quy định, cơ chế, chính sách để phát triển cơ sở hạ tầng nhập khẩu LNG.

- **Tiểu hợp phần 1.2:** Hỗ trợ lồng ghép việc thực hiện quy hoạch năng lượng tổng thể quốc gia với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo định hướng thị trường, tích hợp đồng bộ các phân ngành than, khí và điện lực; bảo đảm chi phí năng lượng minh bạch và do thị trường điều tiết.

- **Tiểu hợp phần 1.3:** Hỗ trợ xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ tiên tiến, hàm lượng khoa học công nghệ và khả năng chuyển giao và tiếp nhận công nghệ của các dự án năng lượng mới và năng lượng tái tạo đề xuất bổ sung, điều chỉnh quy hoạch.

- **Tiểu hợp phần 1.4:** Hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp (one-on-one transactions) trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam và pháp luật Hoa Kỳ cho các nhà phát triển dự án để huy động các nguồn lực (tài chính, công nghệ...) cho các dự án năng lượng sạch tiên tiến (LNG, năng lượng tái tạo, lưu trữ năng lượng, hydro xanh, xe điện...) và giảm rủi ro cho các khoản đầu tư. Hỗ trợ kỹ thuật này có thể bao gồm:

- Các phân tích và nghiên cứu về các mô hình tài chính sáng tạo (ví dụ, quan hệ đối tác công tư PPP và các phương pháp tiếp cận tài chính kết hợp) để giúp huy động các nguồn lực tài chính và giảm rủi ro cho các khoản đầu tư;

- Hỗ trợ các nhà phát triển dự án năng lượng sạch tiên tiến xây dựng các hồ sơ ý tưởng dự án nhằm tiếp cận với các nguồn quỹ hỗ trợ xây dựng báo cáo nghiên cứu tiên khả thi, và sẽ dành ưu tiên cho các dự án tại các khu vực và dân cư có hoàn cảnh khó khăn;

- Hỗ trợ, huy động kinh phí tài trợ từ nguồn ODA không hoàn lại và những nguồn vốn hợp pháp khác của Chính phủ Hoa Kỳ cho các phương thức tiếp cận đổi mới và sáng tạo nhằm huy động đầu tư tư nhân vào các hệ thống năng lượng tiên tiến.



## 5.2. Hợp phần 2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành năng lượng

Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 đặt ra 3 mục tiêu quan trọng là giảm phát thải, xanh hóa các ngành kinh tế, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Mục tiêu lâu dài trong tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu là giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP. Theo đó, Chiến lược đặt ra mốc đến năm 2030, cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 15% so với năm 2014. Xa hơn, năm 2050, cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 30% so với năm 2014. Để thực hiện xanh hóa các ngành kinh tế, Chiến lược hướng đến việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Mục tiêu chủ yếu đến năm 2030 là tiêu hao năng lượng sơ cấp trên GDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 giảm từ 1,0 - 1,5%/năm; tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 15 - 20%; để đạt được điều này cần phải nâng cao được hiệu quả hoạt động của ngành năng lượng từ phát điện và truyền tải điện (thông qua việc tích hợp NLTT trong quy hoạch và vận hành hệ thống điện) cho tới sử dụng năng lượng hiệu quả.

### **Quy hoạch và vận hành hệ thống điện với tỷ trọng NLTT cao**

Các cơ quan điện lực cần bắt kịp tiến bộ công nghệ, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để áp dụng tiến bộ công nghệ, bao gồm tăng cường triển khai năng lượng tái tạo không ổn định (VRE), các nguồn năng lượng phân tán (DER) và các công nghệ và thông lệ quản lý nhu cầu phụ tải. Bộ Công Thương và các bên liên quan cần hoàn thiện quy hoạch, thông lệ vận hành và mô hình kinh doanh.

Ví dụ, công tác đào tạo và nâng cao năng lực cho Bộ Công Thương và các bên liên quan chủ chốt trong lĩnh vực năng lượng về dữ liệu tiên tiến và kỹ thuật mô hình hoá trong xây dựng và thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực (QHĐ) là những yêu cầu cơ bản để tăng hiệu quả hoạt động của ngành năng lượng Việt Nam. Do đó, cần cải thiện công tác thu thập, phân tích dữ liệu và các công cụ phân tích hỗ trợ quá trình ra quyết định, bao gồm quyền truy cập dữ liệu về chi phí công nghệ, tính sẵn có của tài nguyên phân theo địa lý, danh mục dự án và thông tin liên quan. USAID đã và đang hỗ trợ Bộ Công Thương xây dựng Quy hoạch phát triển điện lực 8 (QHĐ 8) của Việt Nam và sẽ tiếp tục hỗ trợ xây dựng Kế hoạch thực hiện QHĐ 8 để đảm bảo quy hoạch điện được cập nhật thường xuyên và có hệ thống.

Quá trình triển khai các dự án năng lượng tái tạo diễn ra nhanh chóng cũng đòi hỏi phải có cách tiếp cận mới về phát triển lưới điện, trong đó ưu tiên phát



triển hệ thống lưới điện mới ở các khu vực có nguồn tài nguyên năng lượng tái tạo dồi dào. Điều này cho phép các dự án năng lượng tái tạo trong tương lai đầu nổi tốt hơn với lưới điện quốc gia, được huy động tối đa và có khả năng sinh lời. Việc cắt giảm công suất của một số nhà máy điện gió và điện mặt trời hiện nay ở Việt Nam do năng lực lưới điện không đủ đáp ứng là kết quả của sự lệch pha giữa chính sách khuyến khích năng lượng và quy hoạch lưới điện. Tương tự, khi nguồn cung từ các nhà máy điện LNG tăng, cần có đủ công suất truyền tải để hỗ trợ các nhà máy điện khí đi kèm với các kho cảng LNG đã được quy hoạch.

Để triển khai QHĐ 8, Bộ Công Thương và EVN cần phối hợp quy hoạch hệ thống truyền tải một cách phù hợp, chất lượng, để tích hợp các khu vực giàu tài nguyên năng lượng tái tạo, các cơ sở hạ tầng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) mới, cơ sở hạ tầng xe điện (EV) và hệ thống truyền tải xuyên biên giới. Ngoài ra, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) thuộc EVN cần huy động đủ vốn để đầu tư cho hệ thống truyền tải điện mới. Ước tính EVNNPT cần khoảng 700-800 triệu USD mỗi năm để nâng cấp và mở rộng hệ thống truyền tải nhằm hỗ trợ tích hợp các nhà máy điện mới.

Hợp phần 2 nhằm xây dựng năng lực về nhân lực và kỹ thuật cho các cơ quan của Chính phủ Việt Nam, bao gồm, nhưng không giới hạn, EVN và Bộ Công Thương về thông lệ vận hành. EVN đang phải đối mặt với nhiều thách thức để đảm bảo độ tin cậy, khả năng phục hồi và khả năng chi trả của hệ thống điện. Với sự gia tăng của tỷ trọng điện mặt trời mái nhà, xe điện và bộ lưu điện được đưa vào lưới điện phân phối, sự biến động của cung và cầu điện cũng sẽ tăng. Về nguyên tắc, năng lượng tái tạo có chi phí cận biên gần bằng 0 nên được ưu tiên huy động trong hệ thống điện (để giảm chi phí hệ thống), do đó, các nguồn điện truyền thống (than, khí, thủy điện) phải được vận hành linh hoạt hơn. Tính gián đoạn của các nguồn năng lượng tái tạo không ổn định này cũng đòi hỏi phải có các công cụ và kỹ thuật dự báo tiên tiến để chủ động quản lý điều độ phát điện, đồng thời đảm bảo an ninh lưới điện truyền tải. Quan ngại của công chúng đối với việc tăng giá điện làm hạn chế khả năng điều chỉnh biểu giá của Chính phủ Việt Nam và do đó hạn chế cơ hội thu hồi chi phí cho EVN. Để giải quyết thách thức này, EVN cần nâng cao hiệu quả và quản trị để giảm chi phí cung cấp dịch vụ điện, thông qua hoạt động giáo dục công chúng, các chương trình truyền thông, và phát triển nguồn nhân lực.

### **Sử dụng năng lượng hiệu quả**

Sử dụng năng lượng hiệu quả là một giải pháp quan trọng để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, đồng thời góp phần thực hiện các cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về giảm phát thải KNK theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) trong khuôn khổ Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Với mục tiêu giảm phát thải KNK của ngành năng lượng xuống 15% vào năm 2030 và 20% vào năm 2045 so với kịch bản phát triển thông thường, Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về "Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" đã đề



ra các nhiệm vụ: i) Nghiên cứu, xây dựng chính sách thuế carbon phù hợp đối với việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch; ii) Hoàn thiện khung chính sách, xây dựng và bổ sung hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về khí thải và chất thải trong ngành năng lượng theo hướng tiệm cận với những tiêu chuẩn của các nước phát triển; iii) Xây dựng và triển khai Đề án tích hợp mô hình kinh tế tuần hoàn vào chiến lược phát triển các doanh nghiệp năng lượng.

Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 ("Chương trình quốc gia") là chương trình đồng bộ nhằm hỗ trợ thực hiện Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời thể hiện cam kết của chính phủ, các cơ quan từ trung ương đến địa phương, các hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức, các cá nhân và cộng đồng đối với các mục tiêu tiết kiệm năng lượng nói riêng và các mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường nói chung. Việc thực hiện một số ưu tiên trong Chương trình quốc gia thông qua V-LEEP II sẽ góp phần thực hiện mục tiêu tiết kiệm năng lượng ở mức 5,0 - 7,0% tổng mức tiêu thụ năng lượng quốc gia đến năm 2025 và giảm tổn thất điện năng xuống dưới 6,5%. Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đã đặt ra các nhiệm vụ sau: i) Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao; ii) Thúc đẩy sự phát triển của các phương tiện giao thông sử dụng điện năng phù hợp với xu thế chung trên thế giới.

Quyết định số 279/QĐ-TTg (ngày 3 tháng 8 năm 2018) phê duyệt Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện (DSM) giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến năm 2030 cũng đề cập đến các mục tiêu tiết giảm phụ tải cụ thể như sau: Phần đầu giảm công suất phụ tải đỉnh của hệ thống điện quốc gia (so với dự báo nhu cầu phụ tải điện trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia) khoảng 300 MW vào năm 2020, 1.000 MW vào năm 2025 và 2.000 MW vào năm 2030 thông qua triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về DSM; hệ số phụ tải hệ thống điện quốc gia (Kpt) tăng từ 1%÷2% trong cả giai đoạn 2018 - 2020 và 3%÷4% trong cả giai đoạn từ 2021 - 2030; giai đoạn 2018 - 2020 sẽ hoàn thành xây dựng trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành đồng bộ và đầy đủ các quy định liên quan, đặc biệt là các cơ chế chính sách, cơ chế tài chính và cơ chế khuyến khích phù hợp để tạo hành lang pháp lý triển khai Chương trình quốc gia về DSM; tiếp tục nghiên cứu và đẩy mạnh thực hiện các Chương trình DSM đã được triển khai hiệu quả trong giai đoạn 2007 - 2015 như Chương trình công tơ biểu giá điện theo thời gian (Time of Use - TOU), các Chương trình quảng bá, nâng cao nhận thức; từng bước mở rộng đối tượng khách hàng tham gia Chương trình quốc gia về DSM đến cả các khách hàng sử dụng điện sinh hoạt; kết hợp thực hiện các Chương trình DSM với việc hỗ trợ, khuyến khích khách hàng tham gia đầu tư trang bị hệ thống năng lượng mặt trời lắp mái; phối hợp và thực hiện lồng ghép với các Chương trình về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Lộ trình phát triển Lưới điện Thông minh tại Việt Nam và định hướng phát triển các dạng nguồn năng lượng tái tạo để đảm bảo khai thác tối đa tiềm năng của các Chương trình DSM và đạt được hiệu quả cao nhất; xây dựng lộ trình cụ thể và phù hợp để triển khai các



Chương trình DSM mới trong Chương trình quốc gia về DSM, đặc biệt là các Chương trình Điều chỉnh phụ tải điện (Demand Response - DR) với Mục tiêu sau năm 2020 có thể triển khai rộng rãi với nhiều đối tượng khách hàng sử dụng điện tham gia trên toàn quốc; thực hiện các Chương trình DSM thí điểm, trung và dài hạn cũng như chiến dịch quốc gia nâng cao nhận thức về các Chương trình DSM.

Theo Luật Bảo vệ môi trường 2020, các nguồn phát thải KNK chính, chủ yếu từ lĩnh vực năng lượng (bao gồm các nhà cung cấp và tiêu thụ năng lượng) phải được kiểm kê định kỳ, báo cáo về tình hình phát thải khí nhà kính và tham gia vào thị trường carbon theo yêu cầu. Do đó, việc thiết lập một hệ thống đo lường, báo cáo và thẩm định (MRV) dựa trên cơ sở khoa học, thường xuyên và hiệu quả là một yêu cầu cấp thiết đối với cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp (cơ sở phát thải lớn) của ngành năng lượng trong nền kinh tế.

Ngoài ra, hoạt động truyền thông được coi là đóng một vai trò quan trọng trong bất kỳ hoạt động phát triển nào, bao gồm việc phát triển ngành năng lượng hướng tới các mục tiêu phát thải thấp và bền vững. Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đặt ra các nhiệm vụ liên quan như sau: i) Nâng cao nhận thức của hệ thống chính trị và nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của ngành năng lượng; ii) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao ý thức chấp hành và thực thi nghiêm túc các quy định pháp luật về năng lượng; và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và hỗ trợ thực hiện; iii) Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; và mở rộng sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình xây dựng và giám sát thực hiện chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển năng lượng quốc gia.

Để hoàn thành Hợp phần 2, V-LEEP II sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau:

- **Tiểu hợp phần 2.1:** Hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực về triển khai, quản lý, giám sát thực hiện, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch phát triển điện lực; nghiên cứu phát triển và bổ sung, điều chỉnh, tích hợp hệ thống lưu trữ năng lượng tiên tiến bao gồm năng lượng mới và năng lượng tái tạo vào quy hoạch; xây dựng và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu tiềm năng về năng lượng sạch, năng lượng mới và năng lượng tái tạo theo cấp độ tỉnh/thành phố và cấp độ quốc gia; nghiên cứu xây dựng và triển khai cơ chế chính sách xã hội hóa đầu tư phát triển hệ thống điện. Hỗ trợ này dự kiến sẽ tập trung vào những hoạt động chính sau:

- Các nhiệm vụ liên quan đến an ninh năng lượng, quy hoạch nguồn và lưới điện, xây dựng và củng cố cơ sở hạ tầng truyền tải và phân phối điện;

- Rà soát các quy định, cơ sở pháp lý, nghiên cứu xây dựng quy trình, hướng dẫn chi tiết về kiểm tra, giám sát;

- Xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu về tiềm năng phát triển nguồn điện; cập nhật hiện trạng nguồn và lưới điện trong từng giai đoạn triển khai thực hiện QHĐ; và phát triển công cụ phần mềm quản lý thực hiện QHĐ;



- Phân tích các công nghệ lưu trữ năng lượng/điện năng tiên tiến, và đánh giá tác động của các dạng phụ tải mới (như giao thông điện) tới hệ thống điện;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được phê duyệt và các hạng mục khác có liên quan đến quy hoạch phát triển điện lực;

- Tổ chức các hoạt động trao đổi kiến thức chuyên môn Việt Nam – Hoa Kỳ, hội nghị, hội thảo tập huấn cơ bản và nâng cao về lập mô hình phần mềm, công cụ tính toán hệ thống điện với mức độ chi tiết cao, cơ sở dữ liệu và các công cụ phục vụ quản lý thực hiện QHĐ... cho cán bộ của Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan;

- Nghiên cứu, đánh giá độ tin cậy và khả năng phục hồi của hệ thống trong trường hợp mất điện nghiêm trọng do sự cố hạ tầng hệ thống điện hoặc ảnh hưởng của thiên tai;

- Hỗ trợ xây dựng và hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật, cơ chế chính sách trong lĩnh vực điện lực và năng lượng; hỗ trợ xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông liên quan.

- **Tiểu hợp phần 2.2:** Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực về tích hợp lưới điện và điều độ các nguồn NLTT biến động (gió, mặt trời). Hỗ trợ này sẽ tập trung vào những hoạt động chính sau:

- Phân tích, đánh giá và mô hình hóa các đặc điểm vận hành/kỹ thuật của các trang trại điện mặt trời và điện gió (nổi lưới, 110 kV trở lên) trong các điều kiện vận hành hệ thống điện khác nhau;

- Hỗ trợ ERAV, NLDC và EVNNPT thực hiện một số nhiệm vụ kỹ thuật liên quan trong việc tích hợp và điều độ năng lượng tái tạo trong hệ thống điện, chẳng hạn như tính toán, dự báo, tính toán giới hạn ổn định điện áp, ổn định tần số và cơ chế thưởng phạt cho các dự báo không chính xác;

- Hỗ trợ NLDC xây dựng năng lực trong quá trình chuyển đổi sang đơn vị hạch toán độc lập;

- Hỗ trợ ERAV xây dựng, trang bị các công cụ tính toán, giám sát vận hành hệ thống điện trong bối cảnh mới; hỗ trợ xây dựng, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu các lĩnh vực liên quan đến hoạt động điều tiết điện lực và thị trường điện; và triển khai một số nghiên cứu phân tích liên quan (lưu trữ điện năng, đánh giá độ tin cậy hệ thống...).

- Tổ chức các khóa tập huấn, hoạt động, hội nghị, hội thảo, đào tạo cơ bản và nâng cao về tích hợp và quản lý vận hành, điều độ hệ thống điện.

- Phân tích, đánh giá mức độ điều khiển, tự động hóa trong hệ thống điện; chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xây dựng công cụ quản lý giám sát phục vụ triển khai số hóa hệ thống điện quốc gia.

- **Tiểu hợp phần 2.3:** Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực về thị trường điện cạnh tranh và điều hành giá điện dựa trên thị trường, các cơ chế tài



chính cho quản lý nhu cầu phụ tải (DSM), nguồn năng lượng phân tán (DER). Hỗ trợ này sẽ tập trung vào những hoạt động chính sau:

- Các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu và xây dựng chính sách về điều hành giá điện dựa trên thị trường, có xem xét đến sự kết nối giữa các thị trường năng lượng khác nhau trong nước (ví dụ: điện, than, dầu khí và NLTT) và với thị trường khu vực và toàn cầu; cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; cơ chế điều tiết giá bán lẻ điện cho các khách hàng không tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;

- Chia sẻ kinh nghiệm về các cơ chế, quy định thúc đẩy phát triển các nguồn điện LNG như cơ chế giá điện, cơ chế giá khí LNG đến nhà máy, bao tiêu sản lượng điện và sản lượng khí của các nhà máy LNG, cơ chế vận hành và cơ chế tham gia thị trường điện của các nguồn điện LNG;..

- Hỗ trợ ERAV nghiên cứu, thúc đẩy quá trình cải tổ ngành điện sang vận hành theo cơ chế thị trường cạnh tranh, tạo ra môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch, hiệu quả cho các đơn vị bán/mua điện, thúc đẩy tích hợp các nguồn điện NLTT vào thị trường điện cạnh tranh

- Phân tích giá điện theo giờ/phút trong VWEM để phân tích tiềm năng dịch chuyển giá/nhu cầu thông qua các biện pháp DSM/DER/điện mặt trời mái nhà;

- Xây dựng mô hình và cơ chế hình thành các đơn vị điều phối thực hiện các Chương trình DSM/DR (DSM/DR Aggregator)

- Thực hiện nghiên cứu về lưu trữ “sau công tơ” và xe điện (EV) để tìm hiểu về ảnh hưởng của các quy định đối với EV đến VWEM và sự dịch chuyển giá;

- Thực hiện nghiên cứu về điều tiết của Nhà nước thông qua các công cụ thị trường (như thuế, phí, các quỹ...) và chính sách an sinh xã hội khi không còn bù chéo trong giá điện;

- Đào tạo, nâng cao năng lực, tổ chức hội thảo về thị trường điện, chính sách giá điện, cơ chế tài chính khuyến khích thực hiện DSM/DR và các quy định khác nhằm cải thiện hoạt động của thị trường.

- **Tiểu hợp phần 2.4:** Hỗ trợ xây dựng chính sách và chương trình về sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển các hệ sinh thái về sử dụng năng lượng hiệu quả, xe điện, và năng lượng bền vững. Hỗ trợ này sẽ tập trung vào những hoạt động chính sau:

- Các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng và thực hiện Chiến lược truyền thông năng lượng bền vững Việt Nam theo Nghị quyết số 55-NQ/TW;

- Hỗ trợ thúc đẩy và triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả (EE) kết hợp với hệ thống năng lượng sạch/tái tạo phân tán (DER) trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

- Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng và thực hiện định mức tiêu thụ năng lượng tối thiểu cho một số ngành công nghiệp tiêu thụ năng lượng lớn được lựa chọn;



- Hỗ trợ các mô hình kinh doanh của Công ty dịch vụ năng lượng (ESCO) đối với các công nghệ năng lượng tiên tiến được lựa chọn;

- Hỗ trợ EESD, EVN và các đối tác xây dựng và phát triển các hệ sinh thái về sử dụng năng lượng hiệu quả, xe điện, và năng lượng bền vững.

- **Tiểu hợp phần 2.5:** Hỗ trợ xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách và biện pháp kiểm soát, giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng và công nghiệp theo cam kết NDC. Hỗ trợ này sẽ tập trung vào những hoạt động chính sau:

- Xây dựng chính sách và quy định pháp luật về hệ thống quản lý chứng chỉ NLTT và kiểm soát phát thải KNK trong lĩnh vực năng lượng; và tư vấn cho EESD và các nhà sản xuất năng lượng, các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trong lĩnh vực công nghiệp và các đơn vị phát thải lớn về cách xây dựng và vận hành các hệ thống MRV để sẵn sàng tham gia vào thị trường carbon, góp phần thực thi các cam kết trong NDC liên quan tới lĩnh vực năng lượng và công nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng công cụ kiểm kê, xác định và tính toán mức giảm phát thải khí nhà kính cấp ngành và cấp cơ sở để góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu về nỗ lực của Việt Nam trong giảm phát thải khí nhà kính; nghiên cứu tiềm năng và lộ trình áp dụng các công nghệ đột phá về giảm phát thải khí nhà kính cho ngành năng lượng và công nghiệp Việt Nam như công nghệ thu giữ, sử dụng và lưu trữ cacbon (CCUS);

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc khai thác các quỹ khí hậu quốc tế/thị trường tài chính/quỹ các-bon quốc tế;

### **5.3. Hợp phần 3. Thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực năng lượng**

Ở Việt Nam, mức độ sẵn có của các giải pháp năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả chất lượng cao vẫn còn hạn chế do quy mô thị trường hiện tại tương đối nhỏ và thiếu nhân lực được đào tạo. USAID đã và đang hỗ trợ Bộ Công Thương thiết kế và triển khai chương trình thí điểm cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo với khách hàng mua điện lớn (DPPA), chương trình này có thể được nhân rộng khi các khách hàng doanh nghiệp có nhu cầu nhiều hơn đối với nguồn năng lượng tái tạo, các nhà phát triển và nhà đầu tư rất quan tâm đến việc hợp tác với các khách hàng (bên bao tiêu) có năng lực tín dụng. Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Châu Á cũng đang hỗ trợ Việt Nam xây dựng khung pháp lý và triển khai thí điểm cơ chế đấu giá năng lượng mặt trời. Khi Việt Nam chuyển đổi từ cơ chế FIT cố định sang cơ chế mua bán điện cạnh tranh hơn (như DPPA hoặc đấu giá ngược), Bộ Công Thương cần đánh giá tiềm năng và tác động của việc mở rộng quy trình này, và xem xét các cơ chế thay thế sẽ giúp Việt Nam phát triển một thị trường năng lượng tái tạo bền vững và đảm bảo cung ứng nguồn điện tái tạo với chi phí thấp nhất.

Lực lượng lao động được đào tạo bài bản, có trình độ tay nghề cao và một thị trường dịch vụ năng lượng đa dạng là các yếu tố thúc đẩy tính cạnh tranh, dẫn



đến giảm chi phí ở mọi cấp độ. Điều này có thể đạt được thông qua quan hệ đối tác chặt chẽ với các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật, đồng thời cần xây dựng chương trình đại học và dạy nghề phù hợp, tăng cơ hội đào tạo cho các tổ chức địa phương và doanh nghiệp tư nhân, trong đó có cơ hội cho phụ nữ và doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ; cũng như thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực năng lượng nhằm cải thiện số lượng và chất lượng của các nhà cung cấp dịch vụ năng lượng sạch, bao gồm đơn vị lắp đặt, vận hành và bảo trì.

Để hoàn thành Hợp phần 3, V-LEEP II sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau:

- **Tiểu hợp phần 3.1:** Hỗ trợ hoàn tất việc khởi động chương trình thí điểm DPPA, thúc đẩy thực hiện thí điểm và triển khai cơ chế DPPA thông qua hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực cho ERAV, các đơn vị ngành điện có liên quan và các bên tham gia khu vực tư nhân. Trong số các hoạt động hỗ trợ chương trình DPPA, V-LEEP II sẽ ưu tiên:

- Hỗ trợ hoàn thiện Hồ sơ đăng ký Chương trình DPPA thí điểm; Trang thông tin điện tử mua bán điện trực tiếp, đánh giá và lựa chọn đơn vị tham gia; giám sát và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình thí điểm;

- Tổ chức các đợt tuyên truyền, phổ biến, đào tạo cơ bản và chuyên sâu về chương trình thí điểm và chính thức DPPA.

- Tư vấn cho ERAV các văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thiện cơ chế, đặc biệt là các nội dung liên quan đến Phí vận hành hệ thống và thị trường (SMO) và Giá phân phối điện;

- Xây dựng lộ trình mở rộng cơ chế DPPA sau giai đoạn thí điểm và hỗ trợ các điều chỉnh (nếu có) phù hợp với tiến độ phát triển thị trường điện cạnh tranh.

- **Tiểu hợp phần 3.2:** Hỗ trợ xây dựng năng lực và cơ chế phối hợp quản lý, giám sát, chia sẻ thông tin liên quan giữa cơ quan quản lý ngành và địa phương trong việc lựa chọn dự án năng lượng sạch/nhà đầu tư đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành (như Luật Điện lực, Luật Giá, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư...) và theo định hướng thị trường.

- **Tiểu hợp phần 3.3:** Hỗ trợ các hoạt động nhằm thúc đẩy các sáng kiến đổi mới sáng tạo và tăng cường cạnh tranh trong lĩnh vực điện lực, năng lượng mới và năng lượng tái tạo; phối hợp với các chương trình đổi mới sáng tạo quốc gia để tăng cường hệ sinh thái kinh doanh (doanh nhân, chuyên gia, công nghệ và vốn) trong lĩnh vực năng lượng sạch; thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực năng lượng.

## 6. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

### 6.1. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp

- Các đơn vị trong Bộ Công Thương là đối tác của dự án, bao gồm EREA, ERAV, EESD và OGCD.



- Các doanh nghiệp của Việt Nam được lựa chọn tiếp nhận HTKT từ V-LEEP II. Việc lựa chọn các doanh nghiệp này sẽ dựa trên các tiêu chí cụ thể của Chương trình.

## **6.2. Đối tượng thụ hưởng gián tiếp**

- Các Bộ, ngành liên quan (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông Vận tải...);

- Các tập đoàn, tổng công ty và các đơn vị trực thuộc hoạt động trong lĩnh vực hoạt động điện năng và dầu khí: Tập đoàn Điện lực (EVN), Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (NDLC), Công ty Mua bán điện (EPTC), Tổng Công ty truyền tải điện (EVNNPT) và các Tổng công ty điện lực; Tập đoàn Dầu khí (PVN), Tổng Công ty Điện lực Dầu khí (PVPower), v.v...

- Các viện nghiên cứu chuyên ngành như IEVN và VPI; các trường đại học chuyên ngành; các tổ chức học thuật và nghiên cứu;

- Các nhà phát triển dự án NLTT khu vực tư nhân; các nhà phát triển và công ty cung cấp dịch vụ về công nghệ NLTT và sử dụng năng lượng hiệu quả; nhóm doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và nhóm doanh nghiệp yếu thế khác (ví dụ như các doanh nghiệp có nhân sự là người tàn tật hoặc dân tộc thiểu số);

- Cộng đồng doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp có quy mô lớn nhờ kết quả triển khai và tác động lan toả của Hợp phần 1 và Hợp phần 3 của Dự án.

## **7. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Chương trình V-LEEP II dự kiến sẽ được thực hiện trong 5 năm kể từ tháng 9 năm 2020. Các công việc chuẩn bị cho V-LEEP II bắt đầu vào tháng 9 năm 2020. Thời gian thực hiện V-LEEP II sẽ kéo dài từ ngày được phê duyệt là dự án ODA cho đến cuối năm 2025.

### **7.1. Kế hoạch triển khai các hoạt động được thực hiện trước**

Nhà thầu Deloitte Consulting đã thực hiện một số công việc cần chuẩn bị trước để có thể triển khai V-LEEP II ngay sau khi Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án được ban hành, bao gồm:

- Tổ chức một số buổi trao đổi, hội thảo với các bên liên quan (các đơn vị đầu mối của Bộ Công Thương, cũng như các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia) từ nguồn ngân sách USAID dự kiến hỗ trợ cho V-LEEP II để thu thập thông tin đầu vào và tham vấn về: mục tiêu, nội dung, cơ chế phối hợp của Chương trình; hỗ trợ việc xây dựng Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch hoạt động năm thứ nhất của Chương trình, và hỗ trợ việc xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bên trong khuôn khổ V-LEEP II. Thời gian từ tháng 2 đến tháng 10/2021.

- Xây dựng Văn kiện dự án và lấy ý kiến tham vấn các cơ quan, đơn vị liên quan. Thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 10/2021.

- Xây dựng khung kế hoạch giám sát, đánh giá và học tập (MEL) và xác định các chỉ tiêu chính về kết quả cần đạt được cho V-LEEP II, làm cơ sở tham



vấn với các đơn vị liên quan của Bộ Công Thương. Thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2021

- Các hoạt động chuẩn bị cho việc thành lập và vận hành Văn phòng dự án (VPDA).

Bên cạnh việc xây dựng Văn kiện dự án, thiết lập quy trình vận hành và quản lý nội bộ của V-LEEP II và chuẩn bị nguồn lực tài chính và nhân sự để thực hiện dự án sau khi phê duyệt, Đơn vị triển khai V-LEEP II cũng đã phối hợp với các đơn vị liên quan của Bộ Công Thương thực hiện các hoạt động sau đây:

<b>TT</b>	<b>Hoạt động</b>	<b>Tiến độ</b>	<b>Thời hạn</b>
1	Cập nhật mô hình PLEXOS theo các số liệu mới nhất, và nâng cấp bộ vi xử lý trung tâm của máy chủ PLEXOS để hỗ trợ Bộ Công Thương hoàn thiện dự thảo QHĐ 8	Đã hoàn thành	Q3.2021
2	Dự thảo báo cáo phân tích về peak coal cho Việt Nam trong lộ trình giảm phát thải KNK ngành điện	Đã hoàn thành dự thảo	Q3/2021
3	Hỗ trợ ERAV thu thập ý kiến từ khối tư nhân về dự thảo Thông tư về cơ chế DPPA, và chuẩn bị các nội dung giải trình liên quan	Đã hoàn thành	Q2/2021
4	Cập nhật mô hình dòng tài chính DPPA theo các số liệu mới nhất, phục vụ cho việc hoàn thiện Thông tư về cơ chế DPPA	Đã hoàn thành	Q3/2021
5	Dự thảo báo cáo về kinh nghiệm tích hợp nguồn điện tái tạo trong thị trường điện, phục vụ cho việc hoàn thiện Thông tư về cơ chế DPPA	Đã hoàn thành	Q3/2021
6	Xây dựng Hồ sơ thiết kế hoạt động cho nghiên cứu xây dựng cơ chế chứng chỉ năng lượng tái tạo (REC)	Đã hoàn thành	Q3/2021
7	Nghiên cứu và đóng góp ý kiến cho dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) – Kho chứa và hệ thống tái hóa khí trên bờ	Đã hoàn thành	Q2/2021
8	Xây dựng Hồ sơ thiết kế hoạt động cho nghiên cứu hoàn thiện các dự thảo Tiêu chuẩn kỹ thuật về LNG và các thiết bị liên quan	Đã hoàn thành	Q2.2021
9	Nghiên cứu và đóng góp ý kiến cho dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) - Kho chứa và hệ thống tái hóa khí LNG nổi	Đã hoàn thành	Q3/2021
10	Xây dựng Hồ sơ thiết kế hoạt động về Thu hút khối tư nhân tham gia đầu tư năng lượng sạch (PSE)	Đã hoàn thành	Q3/2021
11	Triển khai đào tạo tập huấn cho ngân hàng Techcombank về các vấn đề liên quan tới thị trường LNG, thị trường điện, hợp đồng mua bán	Đã hoàn thành	Q3/2021



TT	Hoạt động	Tiến độ	Thời hạn
	điện (PPA) và quản trị rủi ro với các dự án nguồn điện LNG		
12	Xây dựng Chương trình hành động về giới và phát triển, bao gồm các mục tiêu, các điểm đầu vào bình đẳng giới và các hoạt động để đảm bảo tính đa dạng, công bằng và hòa nhập	Đã hoàn thành	Q3/2021

## 7.2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện Dự án cho năm đầu tiên

Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình V-LEEP II được trình bày ở bảng sau:











































HỢP PHẦN-NHÓM HOẠT ĐỘNG	Dự kiến thời gian thực hiện																				
	2020		2021				2022				2023				2024				2025		
	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3
<i>năng lượng mới và năng lượng tái tạo; tăng cường hệ sinh thái kinh doanh trong lĩnh vực năng lượng sạch; thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực năng lượng</i>																					
Tổ chức các cuộc họp với các bên liên quan để xây dựng Hồ sơ thiết kế cho hoạt động này																					
Tổ chức các trại huấn luyện, các hội thảo hội nghị và các khóa đào tạo liên quan																					
Hỗ trợ triển khai các chương trình tăng tốc (accelerator programs) trong lĩnh vực năng lượng sạch																					
Xây dựng các chương trình thí điểm và triển khai diện rộng																					
Huy động nguồn hỗ trợ từ Cơ chế Hỗ trợ các hoạt động kỹ thuật và các nguồn khác cho các nhóm startup được lựa chọn																					
Cập nhật và phổ biến công cụ thúc đẩy bình đẳng giới trong các dự án năng lượng sạch (gender toolkit)																					
Xây dựng và triển khai các chương trình liên quan: thực tập, ngoại khóa, mentoring																					
Tổ chức các diễn đàn lãnh đạo và các sự kiện kết nối (networking)																					

Khung kế hoạch tổng thể trên đây và Văn kiện dự án là căn cứ bước đầu để xây dựng kế hoạch hàng năm của Chương trình. Kế hoạch năm thứ nhất được tóm tắt ở bảng dưới đây:











### 7.3. Kế hoạch giám sát và đánh giá

#### 7.3.1. Kế hoạch giám sát, đánh giá và học tập theo yêu cầu của nhà tài trợ

Theo yêu cầu của nhà tài trợ USAID, nhà thầu Deloitte Consulting sẽ xây dựng Kế hoạch giám sát, đánh giá và học tập (MEL) cho Chương trình V-LEEP II nhằm xác định Khung kết quả Dự án và liên tục cải thiện để đạt những kết quả kỳ vọng của V-LEEP II. Kế hoạch MEL sẽ cung cấp thông tin đầy đủ cho các bên liên quan của USAID và Chính phủ Việt Nam về tiến độ của các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình V-LEEP II.

Kế hoạch MEL là một công cụ chiến lược thiết lập các chỉ số về hiệu quả hoạt động và được sử dụng để:

- Thiết lập mục tiêu rõ ràng, có thể đo lường được cho Dự án;
- Đo lường tiến độ thực hiện các mục tiêu cụ thể;
- Xác định những hạn chế hoặc nguyên nhân dẫn đến chậm trễ trong các nhiệm vụ hoạt động;
- Cung cấp thông tin về các quyết định điều chỉnh chiến lược thực hiện và phân bổ nguồn lực; và
- Hỗ trợ báo cáo kết quả cho USAID, các đối tác và các bên liên quan.

Hệ thống MEL cùng với quy trình thu thập dữ liệu là công cụ theo dõi tiến độ đối với sản phẩm đầu ra và kết quả thực hiện các sáng kiến của V-LEEP II trong suốt thời gian hợp đồng. Kế hoạch hỗ trợ việc kiểm soát chất lượng, thiết lập các chỉ số và chỉ tiêu, thông tin về các báo cáo tiến độ hàng quý và hàng năm, đồng thời thiết lập các chỉ số và chỉ tiêu của USAID. Kế hoạch MEL và các báo cáo định kỳ sẽ được gửi tới Bộ Công Thương/EREA.

#### 7.3.2. Kế hoạch giám sát và đánh giá theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam

- Việc xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát và đánh giá (M&E) phải tuân thủ các quy định của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, và Nghị định số 29/2021/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo cùng các Cục Điều tiết Điện lực, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững và Vụ Dầu khí và Than sẽ thành lập Ban Quản lý Dự án (BQLDA) để quản lý và phối hợp thực hiện Chương trình V-LEEP II theo các quy định nêu trên.

- Định kỳ 3 tháng, Ban Quản lý Dự án (BQLDA) và Văn phòng dự án (VPDA) sẽ tổ chức họp đánh giá hoạt động dự án trong quý và trao đổi, tham vấn về kế hoạch triển khai giai đoạn tiếp theo. Định kỳ 6 tháng, các bên liên quan sẽ chuẩn bị các báo cáo M&E và tổ chức họp đề rà soát, thống nhất nội dung báo



cáo định kỳ để gửi các cơ quan hữu trách theo quy định. Hàng năm, BQLDA cùng VPDA sẽ phối hợp tổ chức hội nghị rà soát đánh giá kết quả triển khai trong năm và xây dựng Kế hoạch triển khai cho năm tiếp theo, để trình USAID phê duyệt.

- Hợp đột xuất: Tuỳ theo các yêu cầu đột xuất, BQLDA, VPDA hoặc USAID có thể đề xuất hợp để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến triển khai hoạt động, quản lý, phối hợp giữa các bên trong quá trình thực hiện dự án.

- Hợp tổng kết dự án: cuộc họp tổng kết dự án sẽ do BQLDA và VPDA trao đổi, đề xuất và phối hợp tổ chức trên cơ sở ý kiến của Bộ Công Thương và USAID.

- VPDA sẽ hỗ trợ Chủ dự án thiết lập và vận hành hệ thống thông tin hỗ trợ việc theo dõi tiến độ thực hiện và đánh giá triển khai Dự án về chất lượng hoạt động, chất lượng chuyên gia do Dự án cung cấp, sự phối hợp giữa các bên trong triển khai hoạt động cũng như hỗ trợ quá trình thực hiện theo dõi Bộ chỉ tiêu về hiệu quả thực hiện Dự án.

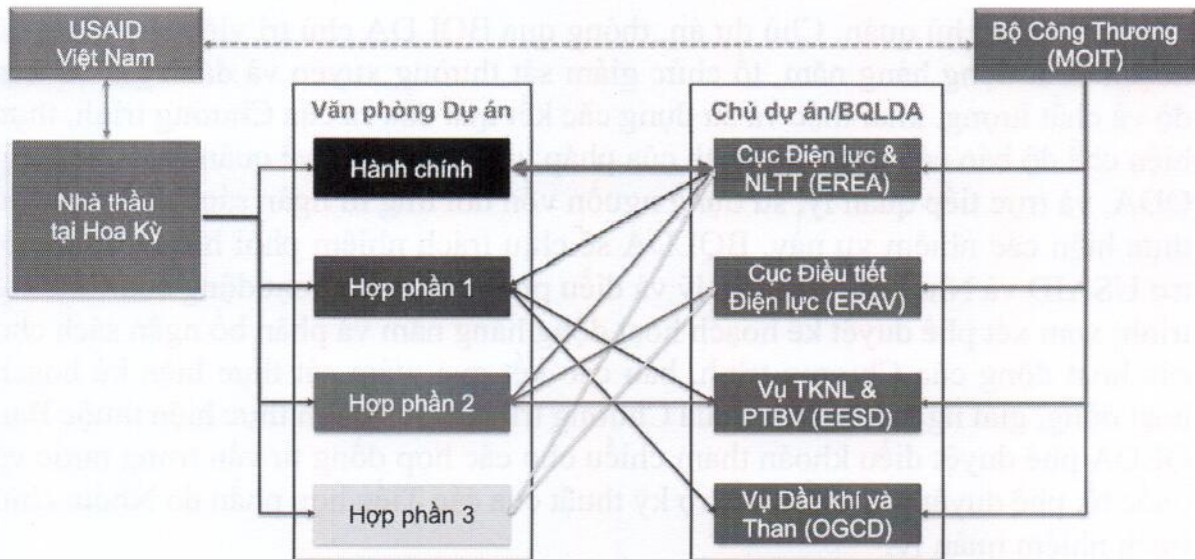
- Các thông tin đánh giá sẽ được thu thập từ các đối tượng thụ hưởng và đối tác triển khai Dự án, giúp cho Chủ dự án, Bộ Công Thương, USAID đánh giá khách quan về chất lượng các hoạt động, chất lượng chuyên gia, từ đó có các định hướng hoặc điều chỉnh cho phù hợp trong quản lý và vận hành Dự án. Dự án sẽ hỗ trợ nhân sự và nguồn lực cho các Nhóm thực hiện của BQLDA để thiết lập và triển khai hệ thống này.

## **8. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

### **8.1. Hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án**

V-LEEP II là dự án HTKT sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại. Cơ chế quản lý dự án phần vốn ODA sẽ tuân thủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 34 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ban hành ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ chính thức và vốn vay ưu đãi. Theo đó, nhà tài trợ (USAID) trực tiếp quản lý nguồn vốn ODA thông qua nhà thầu Deloitte Consulting có trụ sở tại Hoa Kỳ, (sau đây gọi tắt là Nhà thầu). Nhà thầu sẽ thành lập Văn phòng dự án (VPDA) tại Việt Nam để thực hiện dự án tại Việt Nam.





Hình 1: Cơ chế phối hợp quản lý V-LEEP II giữa USAID và Bộ Công Thương

Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo được giao làm Chủ dự án và có trách nhiệm quản lý hoạt động chung của toàn bộ Chương trình V-LEEP II, phối hợp chặt chẽ với Nhà tài trợ USAID, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Vụ Dầu khí và Than, Cục Điều tiết Điện lực để tổng hợp báo cáo chung của các hợp phần để báo cáo Lãnh đạo Bộ về tiến độ và kết quả thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Dự án.

Ban Quản lý Dự án V-LEEP II do Bộ Công Thương thành lập bao gồm đại diện các đơn vị: Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Cục Điều tiết Điện lực, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững, Vụ Dầu khí và Than, trong đó Giám đốc Ban Quản lý Dự án (Ban QLDA) là Lãnh đạo Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo. BQLDA có trách nhiệm quản lý và phối hợp với Nhà tài trợ thực hiện Chương trình V-LEEP II, xây dựng kế hoạch và sử dụng nguồn đối ứng bằng hiện vật và tiền mặt theo quy định hiện hành của Việt Nam. BQLDA được tổ chức chia thành 4 Nhóm thực hiện để quản lý các nội dung liên quan của 3 Hợp phần, cụ thể như sau:

(i) Vụ Dầu khí và Than quản lý hoạt động của các Tiểu hợp phần 1.1 và 1.2;  
 (ii) Cục Điều tiết điện lực quản lý hoạt động của các Tiểu hợp phần 2.2, 2.3 và 3.1;

(iii) Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững quản lý hoạt động của các Tiểu hợp phần 2.4 và 2.5;

(iv) Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo quản lý hoạt động của các Tiểu hợp phần 1.3, 2.1 và 3.2; đồng thời quản lý tổng thể tiến độ thực hiện Chương trình V-LEEP II;

(v) Các Tiểu hợp phần 1.4 và 3.3 do USAID quản lý thực hiện thông qua nhà thầu Deloitte Consulting trên cơ sở thống nhất với Bộ Công Thương về danh mục hoạt động chi tiết, sự phù hợp với các mục tiêu và chỉ tiêu của Chương trình, nơi thực hiện và kế hoạch triển khai, đồng thời chịu trách nhiệm báo cáo kết quả cụ thể cho Ban QLDA để tổng hợp và báo cáo theo quy định.







- Bộ Công Thương là Cơ quan chủ quản của Chương trình V-LEEP II. Bộ Công Thương sẽ có trách nhiệm thu xếp vốn đối ứng, bao gồm vốn đối ứng bằng hiện vật và tiền mặt để tổ chức, quản lý và hỗ trợ việc thực hiện dự án cho Chủ dự án và các cơ quan thực hiện.

- Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (EREA) là Cơ quan đầu mối thực hiện (Chủ Dự án) thay mặt cho Chính phủ Việt Nam. EREA quản lý việc thực hiện V-LEEP II ở phía Chính phủ Việt Nam theo quy định hiện hành của Việt Nam; đồng thời sẽ nỗ lực ở mức cao nhất để tránh chồng chéo trong thực hiện và đảm bảo chất lượng của V-LEEP II và việc triển khai.

- EREA là cơ quan đầu mối của Bộ Công Thương trong việc phối hợp với các cơ quan, Bộ, ngành liên quan, bao gồm: Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND các tỉnh và các cơ quan khác liên quan đến việc thực hiện dự án.

- EREA cùng ERAV, EESD và OGCD sẽ là các Cơ quan thực hiện dự án (PIA). Các cơ quan thực hiện dự án sẽ tham gia bằng cách đề xuất các hoạt động và nhiệm vụ của dự án, rà soát Phạm vi công việc (SOW) và thẩm định các Sản phẩm hoạt động dự án (Deliverables), đồng thời hướng dẫn cho cán bộ của V-LEEP II trong quá trình thực hiện để có thể tối đa hóa lợi ích của Chương trình V-LEEP II. Các cơ quan thực hiện dự án có trách nhiệm thành lập Ban quản lý dự án (BQLDA) thành phần hoặc huy động bộ máy hiện có để quản lý và phối hợp thực hiện Chương trình V-LEEP II, xây dựng kế hoạch và sử dụng nguồn đối ứng bằng hiện vật và tiền mặt theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### 8.2.2. Trách nhiệm của Chủ dự án

- Cung cấp các Chuyên gia chuyên ngành và Nhân sự hỗ trợ. Với vai trò là cơ quan Chủ dự án do Bộ Công Thương phân công, EREA sẽ điều phối cùng các đơn vị đầu mối (ERAV, EESD, OCGD) để bố trí chuyên gia chuyên ngành và cán bộ hỗ trợ tham gia quản lý dự án trên cơ sở thống nhất chung về các nhu cầu và nội dung quản lý V-LEEP II.

- Chi phí. EREA sẽ chịu trách nhiệm về mọi chi phí hoạt động và hành chính để huy động đóng góp của các cơ quan chính phủ và các bên liên quan của Việt Nam cho các hoạt động và mục tiêu của V-LEEP II.

- Cung cấp trang thiết bị văn phòng, giấy phép chính thức và các hỗ trợ hành chính khác. EREA sẽ:

- Phối hợp cùng các đơn vị đầu mối (ERAV, EESD, OCGD) để thu xếp địa điểm và trang thiết bị văn phòng phù hợp (bàn, ghế, internet, nhưng không bao gồm máy tính, máy in và các thiết bị điện tử khác liên quan) cho cán bộ biệt phái của V-LEEP II theo thoả thuận chung, làm việc tại EREA và các đơn vị đầu mối này để hỗ trợ quản lý dự án, điều phối hoạt động, xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật;



- Cung cấp tất cả tư liệu, thông tin và tài liệu cần thiết trong phạm vi cho phép để hỗ trợ công việc của các Chuyên gia chuyên ngành dài hạn và ngắn hạn do USAID tài trợ theo kế hoạch hoạt động hàng năm đã được phê duyệt;

- Phối hợp và hỗ trợ dự án làm việc với các cơ quan chính phủ khác ở cấp quốc gia và địa phương, chẳng hạn như Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, EVN, PVN. v.v...;

- Hỗ trợ dự án làm việc với các cơ sở năng lượng tái tạo hiện tại và tiềm năng, các doanh nghiệp sử dụng năng lượng lớn ở Việt Nam; và

- Tạo điều kiện thuận lợi thông qua việc hỗ trợ đầy đủ về các vấn đề hành chính liên quan đến đóng góp của USAID và các hoạt động của dự án V-LEEP II phù hợp với các quy định hiện hành của Việt Nam. Nội dung này bao gồm việc hỗ trợ thị thực, chứng nhận chuyên gia ODA, miễn giấy phép lao động, miễn thuế thu nhập cá nhân, giấy phép cư trú, giấy phép nhập khẩu và các hạng mục khác phát sinh đối với chuyên gia quốc tế ngắn hạn và dài hạn và gia đình của họ trong quá trình thực hiện dự án V-LEEP II.

### **8.3. Vai trò quản lý và tổ chức thực hiện của phía Hoa Kỳ**

#### **8.3.1. Nhà tài trợ Dự án:**

- Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) là Nhà tài trợ Dự án.
- USAID dự kiến cung cấp một khoản tài trợ ODA không hoàn lại trị giá 36.251.254 USD cho các hoạt động của Chương trình V-LEEP II, tùy theo quyết định của USAID và mức độ sẵn có của nguồn tài trợ.

#### **8.3.2. Nhà thầu thực hiện:**

- Theo quy định của USAID, những khoản tài trợ trực tiếp sẽ không được cung cấp cho các cơ quan của Chính phủ Việt Nam; thay vào đó, USAID sẽ ủy quyền cho một Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng với USAID để triển khai các hoạt động này.

- Nhà thầu thực hiện của USAID cho Dự án V-LEEP II là Deloitte Consulting LLP, một công ty của Hoa Kỳ có địa chỉ tại 1919 North Lynn Street, Arlington VA USA. Deloitte Consulting LLP sẽ điều hành các hoạt động của V-LEEP II thông qua công ty con thuộc sở hữu 100% là Deloitte Consulting Overseas Projects LLC có cùng địa chỉ. Sau đây “Deloitte Consulting” là tên gọi chung cho Deloitte Consulting LLP và/hoặc Deloitte Consulting Overseas Project LLC.

- Deloitte Consulting sẽ chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động V-LEEP II do USAID tài trợ theo luật pháp Hoa Kỳ và phù hợp với các quy định pháp luật của Việt Nam. Đối với mỗi năm tài khoá của dự án, Deloitte Consulting sẽ xây dựng kế hoạch công việc năm phù hợp với các yêu cầu của USAID trên cơ sở thống nhất với Bộ Công Thương về hình thức và nội dung hỗ trợ, tiến hành các



hoạt động trong kế hoạch công việc được USAID phê duyệt, đồng thời sẽ nộp báo cáo cho USAID về kết quả của các hoạt động thuộc V-LEEP II.

- Với vai trò là Nhà thầu thực hiện, Deloitte Consulting chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu khoản tài trợ của dự án V-LEEP II (tùy theo nguồn tài trợ và chỉ đạo của USAID), bao gồm trách nhiệm thanh toán cho các nhà thầu và các bên trong nước thay mặt cho V-LEEP II.

- Deloitte Consulting sẽ thành lập Văn phòng Dự án (VPDA) với đầy đủ chức năng hoạt động tại Hà Nội, tuyển dụng nhân viên (chuyên gia nước ngoài và chuyên gia trong nước) và cung cấp các nguồn lực cần thiết (tùy thuộc vào mức độ sẵn có của nguồn tài trợ của USAID) để thực hiện V-LEEP II.

- V-LEEP II sẽ tối đa hoá việc huy động nhân sự và nguồn lực địa phương để đảm bảo hiệu quả thực hiện ở mức cao nhất. Văn phòng Dự án sẽ thay mặt Deloitte Consulting có toàn quyền quản lý tài chính, tuyển dụng và mua sắm trong nước cho V-LEEP II.

#### **8.4. Tổ chức quản lý thực hiện V-LEEP II**

##### **8.4.1. Văn phòng dự án**

- Deloitte Consulting bổ nhiệm Giám đốc Chương trình (COP) và thành lập Văn phòng Dự án để quản lý và thực hiện dự án. Cán bộ của dự án bao gồm: Phó Giám đốc Chương trình (DCOP), Trưởng Hợp phần phụ trách từng Mục tiêu trong số ba Mục tiêu, cùng các cán bộ hỗ trợ kỹ thuật và hành chính cho các hoạt động theo kế hoạch. Các cán bộ Chương trình (bao gồm cán bộ trong nước và nước ngoài) được Deloitte Consulting tuyển dụng theo các chính sách và quy trình của công ty cũng như quy trình, thủ tục và tiêu chuẩn của USAID.

- Với vai trò là Nhà thầu thực hiện, Deloitte Consulting, thông qua Văn phòng dự án (VPDA) chính thức đặt tại Hà Nội, Việt Nam, sẽ chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của V-LEEP II và giải ngân khoản tài trợ của USAID để triển khai các hoạt động của V-LEEP II theo hợp đồng giữa Deloitte Consulting và USAID, và đảm bảo tuân thủ các quy định luật pháp liên quan cả của Hoa Kỳ và Việt Nam.

- Văn phòng Dự án sẽ có trụ sở, con dấu, mã số thuế và tài khoản ngân hàng riêng; có đầy đủ chức năng và năng lực thực hiện; thực hiện tuyển dụng nhân viên (trong nước và nước ngoài); mua sắm hàng hóa và dịch vụ; và tìm kiếm các nguồn lực cần thiết để thực hiện V-LEEP II phù hợp với các quy định của Hiệp định Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật (BILAT) và các quy định hiện hành khác của Việt Nam. Bộ Công Thương sẽ hỗ trợ Deloitte Consulting trong việc thành lập và duy trì hoạt động của VPDA V-LEEP II, như: đăng ký con dấu và mã số thuế, mở tài khoản, miễn/hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT); hỗ trợ VPDA tiến hành thủ tục xác nhận tư cách chuyên gia nước ngoài của chương trình ODA, xin visa/thẻ cư trú, miễn thuế thu nhập cá nhân và thuế nhập khẩu đồ dùng gia đình cho chuyên gia nước ngoài của VPDA (áp dụng cho các chuyên gia nước ngoài



được Chủ dự án phê duyệt); hỗ trợ các thủ tục xin miễn giấy phép lao động cho các chuyên gia nước ngoài với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cũng như các quy trình khác với các cơ quan liên quan khác của Chính phủ Việt Nam.

- Đối với từng nhiệm vụ cụ thể cần thuê tư vấn hoặc nhà thầu phụ, VPDA và cán bộ quản lý của Deloitte Consulting tại Hoa Kỳ sẽ được quyền thực hiện các nhiệm vụ như tuyển dụng và ký hợp đồng, trên cơ sở tham vấn và thống nhất ý kiến với cơ quan thực hiện dự án liên quan của Bộ Công Thương và tuân thủ các quy định hiện hành của nhà tài trợ, để đảm bảo hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật cao nhất.

#### 8.4.2. Trách nhiệm của VPDA

- Lập kế hoạch và triển khai các hoạt động HTKT: VPDA sẽ chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và trực tiếp triển khai các hoạt động HTKT trong khuôn khổ Dự án theo cam kết với USAID, Văn kiện dự án (VKDA), Kế hoạch hoạt động của Dự án và Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án. VPDA phối hợp chặt chẽ với Chủ dự án và các BQLDA thành phần trong quá trình triển khai, giám sát, đánh giá V-LEEP II.

- Báo cáo định kỳ: VPDA có trách nhiệm báo cáo USAID và Chủ dự án về tình hình triển khai thực hiện Dự án theo các cam kết và quy định pháp luật của Hoa Kỳ và Việt Nam về quản lý ODA, và sẽ hỗ trợ Chủ dự án cùng các BQLDA thành phần thực hiện nhiệm vụ điều phối, giám sát đầu ra được giao; tiến hành theo dõi, tổng hợp kết quả, đánh giá tiến trình thực hiện, hỗ trợ xây dựng các báo cáo M&E liên quan.

- Nhân sự: Các chuyên gia dài hạn trong nước và quốc tế sẽ được tuyển dụng để triển khai các hoạt động của V-LEEP II theo các quy tắc và quy định của USAID. Các chuyên gia ngắn hạn trong nước và quốc tế sẽ được tuyển dụng để hỗ trợ các hoạt động của V-LEEP II, dựa trên Kế hoạch công việc và Phạm vi công việc được xây dựng theo thỏa thuận với USAID, EREA và các cơ quan của Bộ Công Thương có liên quan đến mỗi Hoạt động. Ngoài ra, để hỗ trợ việc thực hiện và điều phối V-LEEP II, Deloitte Consulting có thể bố trí một số nhân viên làm việc biệt phái tại văn phòng của các cơ quan thực hiện dự án của Bộ Công Thương (EREA, ERAV, EESD và OGCD) tại Hà Nội, với điều kiện là các cơ quan này sẽ chịu trách nhiệm bố trí địa điểm và trang thiết bị văn phòng (bàn, ghế, internet, nhưng không bao gồm máy tính, máy in và các thiết bị điện tử khác liên quan) cho nhân viên biệt phái liên quan. Nhà thầu thực hiện, Deloitte Consulting, sẽ tuân thủ các chính sách và quy trình thủ tục tuyển dụng của mình, và sẽ tham vấn với đối tác chính phủ khi cần thiết để đảm bảo hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật cao nhất.

- Vật tư và thiết bị. USAID sẽ tài trợ các trang thiết bị sau cho V-LEEP II, do Deloitte Consulting mua và quản lý

- Tài liệu đào tạo theo yêu cầu cho các hoạt động đã thống nhất;



- Địa điểm văn phòng cho nhân viên dài hạn và ngắn hạn làm việc; cùng với trang thiết bị văn phòng như máy vi tính, máy in, máy photocopy, điện thoại; và

- Vật tư tiêu hao và văn phòng phẩm cần thiết.

- Khi kết thúc V-LEEP II, USAID sẽ đưa các đối tác phía Chính phủ Việt Nam vào danh sách các bên tiếp nhận tiềm năng các trang thiết bị khi đóng Chương trình trong bản Dự thảo Kế hoạch xử lý tài sản. USAID có toàn quyền và trách nhiệm xác định hình thức xử lý hoặc chuyển giao các trang thiết bị được mua trong khuôn khổ V-LEEP II, bao gồm việc chuyển giao cho các chương trình khác của USAID.

#### 8.4.3. Đào tạo và nâng cao năng lực.

- USAID, thông qua sự điều phối của EREA, sẽ chi trả các chi phí cho các khóa đào tạo cụ thể cũng như các chuyến tham quan học tập trong và ngoài nước, theo yêu cầu và thống nhất chung giữa các cơ quan triển khai và USAID trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động của V-LEEP II. Những người tham gia phải có trình độ kỹ thuật phù hợp (bao gồm trình độ ngoại ngữ đầy đủ) cho các hoạt động này. EREA, ERAV, EESD, OGCD sẽ là đầu mối thực hiện các nội dung đào tạo, nâng cao năng lực phù hợp với hợp phần của mình.

- Khi được phép theo quy định của USAID và khi có cân nhắc hợp lý về hiệu quả chi phí, Deloitte Consulting sẽ chi trả các chi phí cho nhân viên Bộ Công Thương khi tham gia vào hoạt động của V-LEEP II với tư cách là người thụ hưởng (ví dụ: tham dự các hội nghị, hội thảo và đào tạo của V-LEEP II) như một khoản chi tiêu hợp lệ của V-LEEP II.

#### 8.4.4. Chi phí hoạt động và hành chính.

- USAID sẽ chịu chi phí hoạt động và hành chính liên quan đến việc thực hiện phần đóng góp của USAID cho V-LEEP II.

#### 8.4.5. Các vấn đề về thuế.

- Chương trình V-LEEP II được hưởng tất cả các biện pháp xử lý thuế theo quy định trong Hiệp định Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật (BILAT) ngày 22 tháng 6 năm 2005 giữa Chính phủ Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam.

#### 8.4.6. Kế thừa các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực khác của Chính phủ Hoa Kỳ.

- V-LEEP II dự kiến sẽ tăng cường sự hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam thông qua kết nối và tạo điều kiện cho những dự án và chương trình khác của USAID và Chính phủ Hoa Kỳ cùng tham gia các hoạt động hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật cho phía Việt Nam, trên cơ sở thống nhất với các đơn vị liên quan của Bộ Công Thương về khả năng, nhu cầu và phạm vi hợp tác cụ thể.

#### 8.4.7. Cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia



- Bộ Công Thương là Cơ quan chủ quản dự án phê duyệt Văn kiện dự án và ủy quyền cho Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (EREA) làm Chủ dự án để quản lý V-LEEP II.

- USAID phối hợp cùng EREA đưa ra các chỉ đạo, định hướng và xem xét, thống nhất Văn kiện dự án, Kế hoạch hoạt động hàng năm, theo đúng quy định của pháp luật Hoa Kỳ và pháp luật của Việt Nam; quản lý và thực hiện Chương trình V-LEEP II thông qua Nhà thầu.

- EREA với tư cách là Chủ dự án cùng các Cơ quan thực hiện dự án và Deloitte Consulting sẽ chỉ định các đầu mối liên hệ phù hợp cho từng Hợp phần (Mục tiêu) và/hoặc Tiểu hợp phần (Nhiệm vụ) của V-LEEP II để đảm bảo việc phối hợp hiệu quả. EREA cùng các Cơ quan thực hiện dự án sẽ thành lập BQLDA gồm 4 Nhóm thực hiện có chức năng giúp cho Chủ dự án thực hiện quản lý, điều phối, giám sát và đánh giá V-LEEP II. Các Nhóm thực hiện thuộc BQLDA chịu trách nhiệm định kỳ báo cáo theo quy định với Chủ dự án hoặc thay mặt Chủ dự án báo cáo với Cơ quan chủ quản dự án về tình hình triển khai các hoạt động trong Hợp phần/tiểu hợp phần mà đơn vị mình phụ trách.

- Các hoạt động chính của Chương trình sẽ được trình bày theo các hoạt động kỹ thuật nói trên trong Văn kiện dự án. Các hoạt động cụ thể sẽ được trình bày chi tiết trong Kế hoạch công việc năm do Deloitte Consulting xây dựng thay mặt cho USAID trên cơ sở trao đổi và thống nhất với các Cơ quan thực hiện dự án.

- Đối với mỗi năm tài khóa của V-LEEP II, nhà thầu Deloitte Consulting sẽ xây dựng kế hoạch hoạt động, tài chính năm phù hợp với các yêu cầu của USAID trên cơ sở thống nhất và được Bộ Công Thương (đại diện là EREA) phê duyệt bằng văn bản. EREA sẽ chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan khác (ERAV, EESD, và OGCD) cùng thẩm định Kế hoạch công việc năm. Thủ tục và quy trình thẩm định và phê duyệt sẽ được trình bày chi tiết trong Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án do EREA và Deloitte Consulting cùng xây dựng. Tài liệu nền tảng này sẽ trình bày chi tiết hơn về trách nhiệm và vai trò của EREA, EESD, ERAV và OGCD; bao gồm (nhưng không giới hạn) các giao thức xem xét và phê duyệt các hoạt động kỹ thuật Kế hoạch hoạt động hàng năm, ngân sách ước tính cho các hoạt động, sản phẩm và hỗ trợ liên quan.

### **8.5. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện Dự án của Chủ dự án**

Với chức năng nhiệm vụ là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực điện lực, năng lượng mới và năng lượng tái tạo<sup>4</sup>, đồng thời cũng được Bộ Công Thương giao làm cơ quan đầu mối vận động và hoàn tất các thủ tục tiếp nhận các dự án ODA, huy động các nguồn vốn ODA và vốn ưu đãi để thực hiện các dự án trong lĩnh vực điện lực, năng lượng mới và năng lượng tái

<sup>4</sup> Theo Quyết định số 3816/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 02/10/2017



tạo<sup>5</sup>, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (EREA) là đơn vị phù hợp để thực hiện vai trò cơ quan Chủ dự án.

EREA cũng là Chủ dự án và tham gia quản lý trực tiếp Hợp phần 1 (Chính sách năng lượng phát thải thấp) của Chương trình Năng lượng phát thải thấp (V-LEEP) do USAID tài trợ. Với vai trò Chủ dự án V-LEEP, EREA đã thực hiện tốt vai trò điều phối, phối hợp với các đơn vị liên quan của bộ, ngành, địa phương, tổ chức hiệp hội thực hiện các hoạt động HTKT của Chương trình V-LEEP.

Do vậy, với tính chất và mục tiêu của V-LEEP II là sự tiếp nối của V-LEEP, EREA là Chủ dự án sẽ góp phần đảm bảo khả năng triển khai hiệu quả các hoạt động của Chương trình này, mang lại kết quả và các tác động như mục tiêu đã đề ra.

## 9. TỔNG VỐN DỰ ÁN

### 9.1. Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi sang USD):

#### 9.1.1. Tổng vốn ODA là 36.251.254 USD.

- Theo quy định trong thoả thuận triển khai V-LEEP II giữa USAID và Deloitte Consulting, khoản ngân sách này bao gồm: a) Ngân sách hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp 19.006.225 USD; b) Cơ chế Hỗ trợ các hoạt động kỹ thuật 5.000.000 USD; và c) Các chi phí khác 12.245.029 USD.

- Chi tiết các dòng ngân sách dự kiến được phân bổ như ở bảng sau.

Dòng ngân sách	Dự trù ngân sách
Hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp	\$ 19.006.225,00
Mua sắm thiết bị và phần mềm hỗ trợ Bộ Công Thương	\$ 2.733.229,00
Tổ chức sự kiện/đào tạo/trao đổi kiến thức	\$ 3.000.000,00
Chi phí vận hành Văn phòng dự án tại Hà Nội	\$ 5.741.800,00
trong đó:	
- Chi phí hành chính Văn phòng dự án	\$ 2.850.000,00
- Chi phí quản lý điều hành hoạt động Chương trình	\$ 2.891.800,00
Chi phí quản lý Chương trình (Deloitte Consulting tại Hoa Kỳ)	\$ 770.000,00
Cơ chế Hỗ trợ các hoạt động kỹ thuật (TASF)	\$ 5.000.000,00
<b>Tổng</b>	<b>\$ 36.251.254,00</b>

9.1.2. Quy đổi sang tiền bản địa là khoảng 839 tỷ đồng (theo tỷ giá của Bộ Tài chính quy định là 23.147 đồng một USD tại công văn số 7535/TB-KBNN ngày 31/12/2020)

<sup>5</sup> Theo Quyết định số 305/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 15/12/2019



9.1.3. Khái toán các hạng mục chi chính sử dụng vốn phân bổ theo từng năm thực hiện như sau:

Hạng mục chi chính	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
Ngân sách hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp	\$2.000.000	\$4.251.556	\$4.251.556	\$4.251.556	\$4.251.556
Cơ chế TASF	-	\$500.000	\$2.000.000	\$2.000.000	\$500.000
Các chi phí khác	\$1.300.000	\$2.754.617	\$2.754.617	\$2.554.617	\$2.547.950

## 9.2. **Vốn đối ứng (VND và quy đổi sang USD)**

Vốn đối ứng được bố trí để phục vụ các hoạt động của BQLDA trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tại mục 8.2. Chương trình V-LEEP II là dự án HTKT có quy mô lớn, phạm vi nội dung và hoạt động liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực của nền kinh tế và cần có sự tham gia của nhiều tổ chức, cơ quan để đảm bảo đạt mục tiêu đã đề ra. Do đó, khối lượng công tác điều phối, giám sát, đánh giá, báo cáo cho các cơ quan của Việt Nam mà BQLDA thực hiện sẽ rất lớn và cần vốn đối ứng để có đủ nguồn lực hỗ trợ cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của BQLDA.

### 9.2.1. Đối với vốn đối ứng bằng tiền mặt

Ước tính vốn đối ứng bằng tiền mặt cho V-LEEP II cho cả giai đoạn 2020-2025 là 7,233 tỷ đồng (tương đương 312.481 USD) chi tiết trong bảng dưới.

Nguồn vốn đối ứng sẽ được ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ. Bộ Công Thương thực hiện thủ tục đăng ký, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành, áp dụng cơ chế tài chính đăng ký cấp phát kinh phí 7,233 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước (NSNN), bố trí từ nguồn chi hành chính sự nghiệp hàng năm theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

Nguồn vốn đối ứng dự kiến được chi phí cho các nội dung gồm: (1) chi phí hoạt động của BQLDA (phụ cấp cho các thành viên BQLDA, thuê nhân sự hỗ trợ, phương tiện làm việc và các chi phí hoạt động khác theo quy định); (2) Các chi phí khác theo quy định trong nước. Nguồn vốn đối ứng sẽ không được sử dụng để chi trả cho các khoản thuế của nhà thầu (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng) hay của chuyên gia nước ngoài.

Nguồn cung cấp: Ngân sách trung ương cấp phát vốn hành chính sự nghiệp hàng năm cho Bộ Công Thương theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.



*a) Dự trữ vốn đối ứng bằng tiền mặt của 3 hợp phần*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	EREA	ERAV	EESD	OGCD	Số năm	Tổng số tiền
I	Ban Quản lý Dự án (BQLDA)	708	708	828	552	5	2.796
II	Chi phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị thực hiện dự án	300	300	180	180	5	960
III	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.350	1.155	492	480	5	3.477
	<b>Tổng kinh phí đối ứng cho Dự án</b>	<b>2.358</b>	<b>2.163</b>	<b>1.500</b>	<b>1.212</b>	<b>5</b>	<b>7.233</b>

Căn cứ áp dụng:

- Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Thông tư 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 219/2009/TT-BTC và Thông tư số 192/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về một số định mức chi tiêu áp dụng cho các chương trình/dự án sử dụng nguồn vốn ODA;

- Áp dụng Điều 3 Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội quy định về mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

*b) Chi tiết vốn đối ứng bằng tiền mặt của các đơn vị như sau:*

*i. Chi tiết dự trữ vốn đối ứng bằng tiền mặt do EREA thực hiện (cả 3 Hợp phần)*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số năm	Tổng số tiền
I	Ban Quản lý Dự án (tổng thể và thành phần)				141.6		708



<u>STT</u>	<u>Nội dung chi</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Đơn giá</u>	<u>Thành tiền</u>	<u>Số năm</u>	<u>Tổng số tiền</u>
1	Phụ cấp kiêm nhiệm cho Ban Quản lý Dự án (6 người x hệ số lương bình quân 4,4 * 1.490.000 VNĐ lương cơ bản x 30%).	Tháng	12	11.8	141.6	5	708
II	Chi phí hoạt động thường xuyên của Chủ dự án - EREA				60		300
1	Cước điện thoại, internet, chuyển phát nhanh, văn phòng phẩm và các chi khác...	Tháng	12	5	60	5	300
III	Chi nghiệp vụ chuyên môn				270		1.350
1	Chi phí hoạt động điều tra, khảo sát để triển khai thực hiện đánh giá thẩm định trong cả 3 hợp phần, bao gồm: Chi phí đi lại (vé máy bay, thuê phương tiện), chi dịch tài liệu, chi phí phòng nghỉ công tác, công tác phí, chi phí thuê chuyên gia ...	Lần	4	15	60	5	300
2	Chi hội nghị triển khai nhiệm vụ đánh giá tiến độ, tổng kết giai đoạn thực hiện hợp phần (1 cuộc/năm)	Lần	1	5	5	5	25.000
3	Chi hoạt động truyền thông, quảng cáo, tuyên truyền về Hợp phần (in ấn tờ rơi, clip phóng sự...)	Lần	3	35	105	5	525
4	Chi hội nghị, hội thảo đào tạo tập huấn về sản phẩm của Hợp phần	Lần	2	50	100	5	500
	<b>Tổng kinh phí đối ứng - EREA</b>						<b>2.358</b>

ii. Chi tiết dự trù vốn đối ứng bằng tiền mặt do OGCD thực hiện (Hợp phần 1)

Đơn vị: triệu đồng

<u>STT</u>	<u>Nội dung chi</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Đơn giá</u>	<u>Thành tiền</u>	<u>Số năm</u>	<u>Tổng số tiền</u>
I	Ban Quản lý Dự án thành phần (Nhóm thực hiện)				110,4		552
1	Phụ cấp kiêm nhiệm cho Ban Quản lý Dự án (5 người x hệ số lương bình quân 4,1 * 1.490.000 VNĐ lương cơ bản x 30%).	Tháng	12	9,2	110,4	5	552
II	Chi phí hoạt động thường xuyên của Cơ quan thực hiện dự án - OGCD				36,0		180,0



<u>STT</u>	<u>Nội dung chi</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Đơn giá</u>	<u>Thành tiền</u>	<u>Số năm</u>	<u>Tổng số tiền</u>
1	Cước điện thoại, internet, chuyển phát nhanh, văn phòng phẩm và chi khác...	Tháng	12	3,0	36,0	5	180,0
III	Chi nghiệp vụ chuyên môn				96,0		480,0
1	Chi phí hoạt động điều tra, khảo sát để triển khai thực hiện đánh giá thẩm định trong hợp phần liên quan, bao gồm: Chi phí đi lại (vé máy bay, thuê phương tiện), chi dịch tài liệu, chi phí phòng nghỉ công tác, công tác phí, chi phí thuê chuyên gia ...	Lần	3	15,0	45,0	5	225,0
2	Chi hội nghị triển khai nhiệm vụ đánh giá tiến độ, tổng kết giai đoạn thực hiện hợp phần (2 cuộc/năm)	Lần	2	3,0	6,0	5	30,0
3	Chi phí cho chuyên gia đánh giá các sản phẩm, báo cáo và kết quả của Hợp phần	Lần	1	45,0	45,0	5	225,0
	<b>Tổng kinh phí đối ứng - OGCD</b>				<b>242,4</b>		<b>1.212</b>

iii. Chi tiết dự trù vốn đối ứng bằng tiền mặt do EESD thực hiện (Hợp phần 2)

Đơn vị: triệu đồng

<u>STT</u>	<u>Nội dung chi</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Đơn giá</u>	<u>Thành tiền</u>	<u>Số năm</u>	<u>Tổng số tiền</u>
I	Ban Quản lý Dự án thành phần (Nhóm thực hiện)				165,6		828,0
1	Phụ cấp kiêm nhiệm cho Ban Quản lý Dự án (7 người x hệ số lương bình quân 4,4 * 1.490.000 VNĐ lương cơ bản x 30%).	Tháng	12	13,8	165,6	5	828,0
II	Chi phí hoạt động thường xuyên của Cơ quan thực hiện dự án - EESD				36,0		180,0
1	Cước điện thoại, internet, chuyển phát nhanh, văn phòng phẩm và chi khác...	Tháng	12	3,0	36,0	5	180,0
III	Chi nghiệp vụ chuyên môn				98,4		492,0



<u>STT</u>	<u>Nội dung chi</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Đơn giá</u>	<u>Thành tiền</u>	<u>Số năm</u>	<u>Tổng số tiền</u>
1	Chi phí hoạt động điều tra, khảo sát để triển khai thực hiện đánh giá thẩm định trong hợp phần liên quan, bao gồm: Chi phí đi lại (vé máy bay, thuê phương tiện), chi dịch tài liệu, chi phí phòng nghỉ công tác, công tác phí, chi phí thuê chuyên gia ...	Lần	3	15,0	45,0	5	225,0
2	Chi hội nghị triển khai nhiệm vụ đánh giá tiến độ, tổng kết giai đoạn thực hiện hợp phần (2 cuộc/năm)	Lần	2	3,0	6,0	5	30,0
3	Chi phí cho chuyên gia đánh giá các sản phẩm, báo cáo và kết quả của Hợp phần	Lần	1	47,4	47,4	5	237,0
	<b>Tổng kinh phí đối ứng - EESD</b>				<b>300,0</b>		<b>1.500</b>

iv. Chi tiết dự trù vốn đối ứng bằng tiền mặt do ERAV thực hiện (Hợp phần 2+3)  
Đơn vị: triệu đồng

<u>STT</u>	<u>Nội dung chi</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Đơn giá</u>	<u>Thành tiền</u>	<u>Số năm</u>	<u>Tổng số tiền</u>
I	Ban Quản lý Dự án thành phần (Nhóm thực hiện)				141.6		708
1	Phụ cấp kiêm nhiệm cho Ban Quản lý Dự án (6 người x hệ số lương bình quân 4,4 * 1.490.000 VNĐ lương cơ bản x 30%).	Tháng	12	11.8	141.6	5	708
II	Chi phí hoạt động thường xuyên của Cơ quan thực hiện dự án - ERAV				60		300
1	Cước điện thoại, internet, chuyển phát nhanh, văn phòng phẩm và các chi khác...	Tháng	12	5	60	5	300
III	Chi nghiệp vụ chuyên môn				231,0		1.155
1	Chi phí hoạt động điều tra, khảo sát để triển khai thực hiện đánh giá thẩm định trong 2 hợp phần liên quan, bao gồm: Chi phí đi lại (vé máy bay, thuê phương tiện), chi dịch tài liệu, chi phí phòng nghỉ	Lần	3	15,0	45,0	5	225,0



STT	Nội dung chi	Đơn vi tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số năm	Tổng số tiền
	công tác, công tác phí, chi phí thuê chuyên gia ...						
2	Chi hội nghị triển khai nhiệm vụ đánh giá tiến độ, tổng kết giai đoạn thực hiện hợp phần (2 cuộc/năm)	Lần	2	3,0	6,0	5	30,0
3	Chi phí cho chuyên gia đánh giá các sản phẩm, báo cáo và kết quả của Hợp phần	Lần	1	45,0	45,0	5	225,0
4	Chi hoạt động truyền thông, quảng cáo, tuyên truyền về Hợp phần (in ấn tờ rơi, clip phóng sự...)	Lần	1	35,0	35,0	5	175,0
5	Chi hội nghị, hội thảo đào tạo tập huấn về sản phẩm của hợp phần	Lần	2	50,0	100,0	5	500,0
	<b>Tổng kinh phí đối ứng - ERAV</b>				<b>432,6</b>		<b>2.163</b>

### 9.2.2. Phần đối ứng bằng hiện vật của Bộ Công Thương

Ngoài vốn đối ứng bằng tiền mặt, Bộ Công Thương sẽ cung cấp một số đóng góp dưới dạng hiện vật (như nhân lực, văn phòng làm việc, điện, nước...) được huy động để hỗ trợ việc quản lý và thực hiện dự án.

### 9.3. Cơ chế tài chính

Nguồn vốn của nhà tài trợ (USAID) là khoản viện trợ phát triển chính thức được cung cấp dưới dạng hỗ trợ kỹ thuật và không hoàn lại. USAID trực tiếp quản lý việc sử dụng vốn ODA đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý và sử dụng tài chính của Việt Nam và Hoa Kỳ. Bộ Công Thương trực tiếp quản lý việc sử dụng vốn đối ứng theo các quy định về ngân sách nhà nước của Việt Nam.

Để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quản lý, theo dõi, báo cáo của Chủ dự án như luật định, nhà thầu Deloitte Consulting có trách nhiệm cung cấp cho Chủ Dự án số liệu tài chính theo định kỳ 6 tháng, cả năm, và vào cuối dự án về tình hình giải ngân theo các dòng ngân sách đã được phân bổ như sau để phục vụ việc lập các Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ định kỳ và Báo cáo kết thúc toàn bộ chương trình, dự án viện trợ theo quy định tại Thông tư 225/TT-BTC ngày 31/12/2010:

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp
- Mua sắm thiết bị và phần mềm hỗ trợ Bộ Công Thương
- Tổ chức sự kiện/đào tạo/trao đổi kiến thức
- Chi phí vận hành Văn phòng dự án tại Hà Nội, trong đó bao gồm:



- Chi phí hành chính Văn phòng dự án
- Chi phí quản lý điều hành hoạt động Chương trình
- Chi phí quản lý Chương trình (Deloitte Consulting tại Hoa Kỳ)
- Cơ chế Hỗ trợ các hoạt động kỹ thuật (TASF)

## **10. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

Các điều kiện cung cấp vốn ODA không hoàn lại của USAID Việt Nam được nêu trong các quy định của USAID. Các quy định này không cho phép tài trợ trực tiếp cho các cơ quan của Chính phủ Việt Nam, mà thay vào đó sẽ thông qua các nhà thầu thực hiện. Nhà thầu chính của Chương trình V-LEEP II là Deloitte Consulting LLP. Deloitte Consulting LLP sẽ chịu trách nhiệm quản lý các nguồn tài chính của USAID theo luật pháp Hoa Kỳ và luật pháp Việt Nam, tiến hành các hoạt động và báo cáo kết quả. Văn phòng dự án của Deloitte Consulting LLP chịu trách nhiệm quản lý và giải trình về các khoản thanh toán trực tiếp trong khuôn khổ Chương trình.

Nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc thực hiện V-LEEP II được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam và phù hợp với quy định tại Hiệp định về Hợp tác kinh tế kỹ thuật ngày 22/06/2005 giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.